

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LƯƠNG VĂN VIỆT (Tổng Chủ biên)
ĐỖ DUY HÙNG (Chủ biên)

NGUYỄN THANH THUYẾT - ĐẶNG VĂN BÌNH - PHẠM VĂN KHANH

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH **HẢI DƯƠNG**

Lớp

7

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Mục lục

Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng tài liệu	4
Chủ đề 1 Lịch sử Hải Dương từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	5
Chủ đề 2 Hải Dương – Phên giậu phía Đông trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, tự chủ của dân tộc	19
Chủ đề 3 Nghệ thuật truyền thống của Hải Dương	28
Chủ đề 4 Tục ngữ, ca dao của Hải Dương	40
Chủ đề 5 Thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế – xã hội	50
Chủ đề 6 Thiên tai và phòng chống thiên tai	71

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 7 sẽ tiếp tục đồng hành cùng các em học sinh trong việc tiếp cận và khám phá các vấn đề về văn hoá, lịch sử truyền thống; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị – xã hội, môi trường của xứ Đông xưa, Hải Dương nay.

Với 06 chủ đề được Ban Biên soạn lựa chọn kĩ lưỡng, bám sát mục tiêu, yêu cầu của nội dung giáo dục địa phương, các em sẽ có cơ hội, trải nghiệm, tìm hiểu lịch sử phát triển của Hải Dương từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI; vai trò của Hải Dương trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, tự chủ của dân tộc; nghệ thuật truyền thống của Hải Dương; tục ngữ, ca dao của Hải Dương; tài nguyên thiên nhiên của Hải Dương; thiên tai và phòng chống thiên tai của tỉnh.

Thông qua các hoạt động khám phá tri thức, các em có điều kiện phát huy, phát triển một số năng lực cốt lõi và phẩm chất chủ yếu cần có của học sinh trung học cơ sở. Qua đó, bồi dưỡng niềm tự hào, tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống của quê hương; vận dụng những điều đã học vào giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tế của quê hương, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên tại tỉnh Hải Dương nói riêng, cả nước nói chung.

Trong quá trình biên soạn, tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các em học sinh để **Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 7** ngày càng hoàn thiện hơn.

Ban Biên soạn

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 7 được biên soạn gồm 06 chủ đề thuộc các lĩnh vực địa lí, lịch sử và ngữ văn; mỗi lĩnh vực có đặc điểm riêng. Các em cần bám sát đặc trưng của từng môn học để tìm hiểu, khám phá và chiếm lĩnh tri thức.



Mỗi phần, mỗi bài học cụ thể của chủ đề thường bắt đầu bằng các nhiệm vụ, tình huống cần giải quyết để các em kết nối với tri thức đã biết và tiếp tục tìm kiếm, thu thập thông tin cần thiết trước, trong và sau khi tìm hiểu mỗi bài học và cả chủ đề.



Phần hình thành kiến thức, đọc hiểu văn bản: được thể hiện sinh động qua kênh chữ, kênh hình và một số hình ảnh minh họa. Những câu hỏi, hoạt động, hướng dẫn giúp các em tự tin khám phá kiến thức về địa lí, lịch sử và văn hoá của Hải Dương.



Phần thực hành, luyện tập: là những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn kĩ năng nhận diện, nhận xét, đánh giá, bước đầu giải quyết một số vấn đề có liên quan.



Phần vận dụng, mở rộng: là những gợi ý, yêu cầu, định hướng để các em kết nối tri thức của địa phương Hải Dương với tri thức chung của dân tộc và thế giới; kết nối kiến thức nội môn, liên môn một cách chủ động, sáng tạo nhằm hình thành các phẩm chất chủ yếu, phát triển các năng lực cốt lõi, sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân một cách hiệu quả nhất.



Phần em có biết là những thông tin bổ trợ để giải thích, mở rộng, làm cho rõ nội dung tuyến chính.

Chúc các em tự giác, tự chủ, tự tin và sáng tạo trong học tập để đạt kết quả tốt nhất.

Ban Biên soạn

Hãy bảo quản, giữ gìn tài liệu để có thể dành tặng cho các em học sinh lớp sau nhé!

Chủ đề 1

LỊCH SỬ HẢI DƯƠNG TỪ THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Mục tiêu

- Trình bày được những chuyển biến trong xã hội; sự phát triển của kinh tế, văn hoá Hải Dương từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.
- Nhận xét được sự phát triển của kinh tế, văn hoá của Hải Dương trong lịch sử.
- Tìm hiểu, giới thiệu được một số di tích lịch sử – văn hoá; thành tựu văn hoá; nghề thủ công tiêu biểu của Hải Dương.



Bình gốm Chu Đậu thế kỉ XV được lưu tại Bảo tàng Topkapi Saray, Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ)

TÌNH HÌNH XÃ HỘI



Thế kỉ X được coi là mốc mở đầu thời đại phong kiến độc lập của dân tộc Việt Nam. Xã hội phong kiến được thiết lập và từng bước phát triển, đạt đến đỉnh cao trong các thế kỉ XV – XVI.

Vậy tình hình xã hội của Hải Dương đã phát triển như thế nào trong các thế kỉ X – XVI?



1 Tên gọi Hải Dương

Tên gọi Hải Dương được ra đời gắn với triều đại nào trong các thế kỉ X – XVI?

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, vùng đất Hải Dương mang nhiều tên gọi khác nhau qua các triều đại.

Thời gian	Đơn vị hành chính	Tên gọi
Thời Lý	Lộ	Hồng Lộ
Thời Trần	Lộ	Hải Đông
Thời Lê sơ (1428 – 1469)	Thừa tuyên	Nam Sách
Thời Lê sơ (từ 1469)	Thừa tuyên	Hải Dương

Hải Dương khi đó giáp biển nên tên gọi Hải Dương có hàm ý là “ánh dương miền duyên hải”¹. Bên cạnh tên gọi hành chính, từ thời nhà Lý, với vị trí là một trong tứ trấn quan trọng của kinh thành Thăng Long nên vùng đất Hải Dương còn mang tên gọi xứ Đông.

¹ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, tr.100.

2 Tình hình xã hội Hải Dương

Trong các thế kỉ X – XVI, xã hội Hải Dương đã có những chuyển biến gì?

Thế kỉ X, dưới thời Đinh, Tiền Lê, ruộng đất chủ yếu là ruộng đất công của các làng, xã, chia cho nông dân cày cấy. Tuy nhiên, cuối thế kỉ X bắt đầu xuất hiện một số hào trưởng địa phương là quý tộc, sở hữu nhiều ruộng đất.

Thời Lý – Trần, chế độ phân phong ruộng đất cho các vương hầu, quý tộc và những người có công với triều đình đã đưa đến sự xuất hiện nhiều thái ấp. Tại vùng đất Hải Dương (Hải Đông lộ) đã có tám thái ấp rộng lớn. Giai cấp địa chủ từng bước được hình thành.

Thời Trần, những người thuộc hàng tôn thất và những người tài giỏi, lập công lớn trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông được ban quốc tính (họ nhà vua) được triều đình ban thái ấp, ruộng đất này không phải nộp tô thuế cho nhà nước.

Trên tấm bia "Tam Bảo địa" tại núi Phượng Hoàng (xã Yên Đức, Đông Triều nay thuộc Quảng Ninh), ghi rõ "Chủ đất làm chức Hành khiển được vua Trần ban quốc tính là Trần Khắc Chung và vợ là Bảo Hoàn công chúa..."



Hình 1. Bia khắc xác nhận thái ấp của Trần Khắc Chung trên núi Phượng Hoàng (xã Yên Đức, huyện Đông Triều nay thuộc Quảng Ninh)



Dưới thời nhà Trần, Hải Dương có các thái ấp của An Sinh Vương Trần Liễu ở vùng Kinh Môn; thái ấp của Trần Khắc Chung ở Đông Triều; thái ấp của Trần Quốc Tuấn; thái ấp của Huệ Vũ đại vương Trần Quốc Chấn và thái ấp của Thượng tướng Trần Phó Duyệt (cha của Trần Khánh Dư) ở Chí Linh¹,... là những vùng đất rộng lớn.

Từ thời Hồ đến thời Lê sơ, tình trạng mua bán ruộng đất được nhà nước cho phép nên ruộng đất tư nhân tăng nhanh, các thái ấp xuất hiện ngày càng nhiều, giai cấp địa chủ ở Hải Dương không ngừng lớn mạnh. Chế độ phong kiến ngày càng phát triển trong xã hội Hải Dương.



Trong các thế kỉ X – XVI, xã hội Hải Dương có những chuyển biến gì? Tại sao ở Hải Dương thời kì này có nhiều thái ấp của các quan lại, quý tộc?



Giới thiệu về ý nghĩa của tên gọi Hải Dương quê hương em.

¹ Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, H. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.218.

TÌNH HÌNH KINH TẾ



Qua năm đợt khảo cổ học từ năm 1983 đến năm 2014 và cuộc trục vớt con tàu đắm tại Cù Lao Chàm năm 1997 đã có nhiều kết luận quan trọng về sản phẩm gốm sứ Chu Đậu cũng như về trung tâm sản xuất gốm sứ bậc nhất của Hải Dương và cả nước trong các thế kỉ XV – XVI.

Vậy, tình hình kinh tế của Hải Dương đã phát triển như thế nào trong các thế kỉ X – XVI?



1 Nông nghiệp

Kinh tế nông nghiệp tại Hải Dương phát triển như thế nào trong các thế kỉ X – XVI?

Hải Dương là vùng đồng bằng màu mỡ, có “ruộng vào hạng thượng thượng”¹ nên từ thế kỉ X, Hải Dương đã được biết đến là một trong những địa phương có thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp.

Dưới thời Lý – Trần, do chính sách khuyến nông tích cực của triều đình nên diện tích đất canh tác được mở rộng, kinh tế nông nghiệp vùng Hồng Châu bắt đầu phát triển.

¹ Nguyễn Trãi, *Dư địa chí*, H. KHXH, Hà Nội, 1976, tr.218.



Sản xuất nông nghiệp phát triển quy mô lớn trong các thái ấp, điển hình là thái ấp của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp. Công lao của Công chúa Thiên Thành là phu nhân của Trần Hưng Đạo trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng căn cứ hậu phương vững chắc phục vụ đại bản doanh Vạn Kiếp trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược được lưu trong thần tích của làng Trung Quê (xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh). Ngày nay, dân gian còn truyền tụng câu ca:

“Trâu thì Mẩu thả Huyện Đình
Lợn thì Mẩu thả cánh đồng Trung Quê”.

Thời Lê sơ, ruộng đất công làng xã ở Hải Dương được chia lại theo *phép quân điền*, đều đều được củng cố, binh lính được về quê làm ruộng,... thúc đẩy kinh tế nông nghiệp Hải Dương phát triển mạnh mẽ.

Đến thời Lê – Trịnh, ruộng đất công làng xã bị thu hẹp dần, chính quyền không quan tâm đến thủy lợi và tổ chức khai hoang, kinh tế nông nghiệp bị suy giảm, nạn mất mùa đói kém xảy ra liên miên. Đây là nguyên nhân làm bùng nổ các phong trào đấu tranh của nông dân Hải Dương chống lại chính quyền phong kiến.

KẾT NỐI DI SẢN

Ngọc phá đền Đồng Bào thuộc xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương; miếu Đông Cạn xã Tân Tiến, đền Đuôi xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc thờ Nguyên phi Ý Lan đều có ghi công tích của bà dạy dân làng mở đất, cấy lúa, trồng dâu nuôi tằm.

2 Thủ công nghiệp

Kể tên những nghề thủ công phát triển tại Hải Dương trong các thế kỉ X – XVI?

Là vùng đất nhiều sản vật, cư dân đông đúc nên sản xuất thủ công nghiệp của Hải Dương trong thời kì này phát triển mạnh mẽ với nhiều ngành nghề, tiêu biểu là các ngành, nghề thủ công như: chạm khắc gỗ, đúc đồng, làm gốm sứ,... Ở các làng xã xuất hiện ngày càng nhiều các làng nghề thủ công nhất là nghề gốm sứ.

Hải Dương là một trong những địa phương sản xuất gốm sứ lớn nhất cả nước. Từ thế kỉ X, nghề sản xuất gốm và đóng gạch ngói đã rất phát triển. Đến thời Trần, nhiều làng nghề sản xuất gốm đã ra đời và phát triển mạnh mẽ như cơ sở sản xuất gốm sứ Vạn Kiếp (thành phố Chí Linh); làng Gốm phường Cổ Thành (thành phố Chí Linh); làng gốm Chu Đậu (nay thuộc xã Thái Tân, huyện Nam Sách). Thời Lê sơ, nghề gốm phát triển mở rộng, xuất hiện thêm nhiều làng gốm như: làng Cậy xã Long Xuyên (huyện Bình Giang), gốm Hợp Lễ xã Long Xuyên (huyện Bình Giang). Thế kỉ XV – XVI, các sản phẩm gốm Chu Đậu, Hợp Lễ là những sản phẩm tiêu biểu cho dòng gốm thời Lê ở Việt Nam và đã được giao thương với nhiều nước trên thế giới.

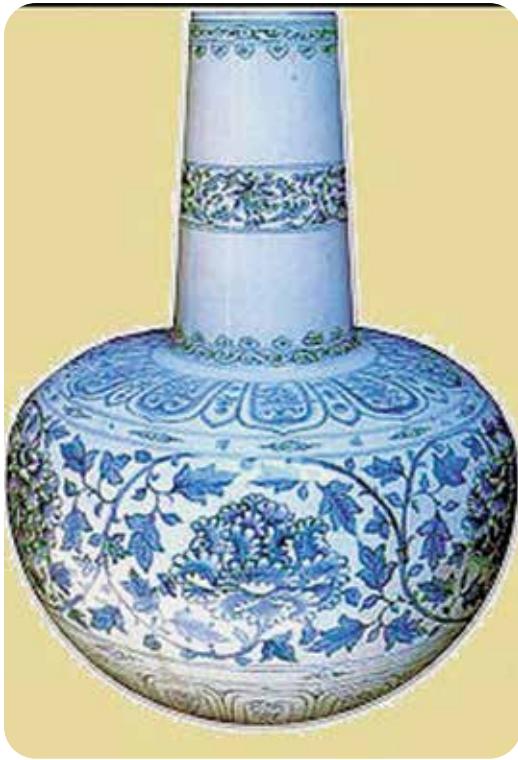


Hình 1. Sản phẩm gốm Hợp Lễ, thế kỉ XV



Hình 2. Đĩa gốm Chu Đậu, thế kỉ XV – XVI

Các nghiên cứu cho thấy thế kỉ XIV – XV, nghề gốm Việt Nam đã có bước phát triển mạnh không chỉ về số lượng mà cả về chất lượng. Nhiều trung tâm sản xuất gốm xuất khẩu mới ra đời và phát triển nhanh cả về quy mô và tốc độ. Hải Dương có bảy làng chuyên làm gốm tráng men là Chu Đậu, Mỹ Xá (huyện Nam Sách), Ngói, Cậy, Láo, Bá Thuỷ, Hợp Lễ (huyện Bình Giang).



Hình 3. Bình gốm hoa lam Chu Đậu lưu tại Bảo tàng Topkapi Saray Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) do nghệ nhân Bùi Thị Hý tạo năm 1450



Hình 4. Ấm gốm hoa lam hình chim phượng Chu Đậu, thế kỉ XV (hiện vật trong con tàu đắm ở Cù Lao Chàm)

Ngoài ra, nhiều ngành nghề thủ công khác được phát triển tại Hải Dương, gắn với các địa phương như: trồng dâu nuôi tằm dệt vải tại Mao Điền, chạm khắc gỗ Đông Giao, huyện Cẩm Giàng; nghề nhuộm Đan Loan, kim hoàn Châu Khê, huyện Bình Giang; chạm khắc đá Kính Chủ, Phạm Thái, thị xã Kinh Môn; nghề đóng giày Tam Lâm, huyện Gia Lộc,...

3 Thương nghiệp

Kinh tế thương nghiệp của Hải Dương phát triển như thế nào trong các thế kỉ X – XVI?

Do có lợi thế về kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và giao thông thủy nên trong các thế kỉ X – XVI, thương nghiệp Hải Dương rất phát triển.

Dưới thời Lý – Trần, thương cảng Vân Đồn là thương cảng quốc tế đầu tiên của nước ta. Hải Dương nằm trên trục giao thông thuỷ quan trọng, nối kinh đô Thăng Long với thương cảng Vân Đồn, có mạng lưới đường sông nối liền với các tỉnh lân cận nên hoạt động buôn bán, giao thương phát triển mạnh mẽ. Thế kỉ XV – XVI, Hải Dương đã trở thành một trung tâm thương nghiệp lớn ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

Từ thời Lê sơ, hệ thống chợ ở Hải Dương đã phát triển mạnh, thường ở mỗi xã hoặc vài xã lân cận có một chợ chung, họp vào những ngày nhất định trong tháng. Nhiều cảng sông có hoạt động giao thương tấp nập, thuyền bè đi lại như mắc cửi như bến Vạn Kiếp (Vạn Kiếp, Chí Linh); bến Nhạn Loan (Cổ Thành, Chí Linh); bến Cổ Phường thuộc làng gốm Chu Đậu (Thái Tân, Nam Sách); bến Tiên Kiều (xã Đức Chính, Cẩm Giàng), bến Ninh Giang (thị trấn Ninh Giang),...



Hình 5. Tranh vẽ cảnh chợ làng thời Hậu Lê

Hàng hoá được giao thương tại Hải Dương thời kì này chủ yếu là các sản phẩm thủ công, đặc biệt là đồ gốm. Tại các phiên chợ, nhân dân buôn bán các sản phẩm nông nghiệp như thóc, gạo, rau, hoa quả; các sản phẩm ngư nghiệp như tôm, cua, cá, ốc; các sản phẩm thủ công mây, tre đan như rổ, rá, thúng, dằm, sàng, nong, nia; các loại gia súc, gia cầm như lợn, gà, chó, mèo; các loại vải vóc, đồ gốm sứ,...

Thời Lê sơ, gốm sứ Hải Dương có mặt ở hầu hết các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ và được giao thương với các nước trên thế giới nhiều nhất. Các sản phẩm gốm sứ của Hải Dương không chỉ là mặt hàng phục vụ nội thương mà còn đáp ứng được yêu cầu của ngoại thương. Sản phẩm gốm Chu Đậu được nhiều quốc gia ưa chuộng và đã được giao thương với nhiều nước trên thế giới như: Trung Quốc, Nhật Bản và các nước phương Tây.



Hình 6. Lược đồ về nơi có lưu giữ gốm Chu Đậu thế kỉ XV – XVI



1. Hoàn thành bảng thông tin về sự phát triển kinh tế của Hải Dương trong các thế kỉ X – XVI:

Nội dung	Nông nghiệp	Thủ công nghiệp	Thương nghiệp
Điều kiện phát triển			
Thành tựu			
Đánh giá			

2. Nhận xét về tình hình kinh tế của Hải Dương từ thế kỉ X – XVI.



Giới thiệu về một sản phẩm thủ công của Hải Dương thế kỉ X – XVI mà em thích.

TÌNH HÌNH VĂN HOÁ



Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc được coi là thời kì đặt nền móng vững chắc cho nền văn hoá bản địa của dân tộc Việt Nam. Qua quá trình giao thoa văn hoá, tiếp thu có chọn lọc và cải biến, từ thế kỉ X – XVI, nền văn hoá Đại Việt tiếp tục khởi sắc với nhiều thành tựu rực rỡ.

Văn hoá Hải Dương đã phát triển như thế nào trong giai đoạn này?



1 Tín ngưỡng – tôn giáo

Văn hoá Hải Dương trong các thế kỉ X – XVI có bước phát triển mới như thế nào?

Từ thế kỉ X, bên cạnh việc duy trì các tín ngưỡng như thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với nước, sùng bái thiên nhiên,... đạo Phật nhanh chóng phát triển tại Hải Dương. Nhiều ngôi chùa đã được xây dựng trong thời kì này như: chùa Động Ngộ (xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương); chùa Liên Hoa (xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc); chùa Kỳ Đà (phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương), chùa Huyền Thiên (phường Văn An, thành phố Chí Linh),...

Chùa Động Ngọ (xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà, nay thuộc thành phố Hải Dương) được xây dựng bởi Quốc sư Khuông Việt vào năm 971 là minh chứng cho sự tồn tại và phát triển của đạo Phật ở Hải Dương từ thế kỉ X.



Hình 1. Chùa Động Ngọ
(xã Tiên Tiến, thành phố Hải Dương)

Dưới thời Lý – Trần, Phật giáo được coi trọng và chiếm địa vị độc tôn. Ở Hải Dương, chùa được xây dựng tại các địa phương. Đặc biệt, vào thế kỉ XIII, trên vùng đất Hải Dương có sự ra đời của thiền phái Phật giáo bản địa là Thiền phái Trúc Lâm với một số vị cao tăng tiêu biểu như Pháp Loa, Tuệ Tĩnh.



Tháng 8 năm 1299, Thượng hoàng Trần Nhân Tông đi tu tại núi Yên Tử, sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm. Cùng phát triển thiền phái này với vua là các Thiền sư kiệt xuất gồm Pháp Loa và Huyền Quang, gọi chung là Trúc Lâm Tam tổ. Tư tưởng của Thiền phái này hướng về con người với tinh thần yêu nước: “*Phật tại tâm, mọi người đều có thể thành Phật, bất luận là tu sĩ xuất gia hay tại gia, nam hay nữ chỉ cần sống thiện, sống tốt là thành Phật*”.

Chùa Côn Sơn là nơi Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang là ba vị tổ sáng lập thiền phái này đã từng tu hành và thuyết pháp ở đây. Thiền sư Huyền Quang là trụ trì chùa Côn Sơn đã viên tịch tại đây vào ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334), vì thế Côn Sơn được gọi là một trong những chốn tổ của Thiền phái Trúc Lâm.



Hình 2. Chùa Côn Sơn (thành phố Chí Linh)

Bên cạnh sự phát triển của đạo Phật, từ thời Trần, Nho giáo và Đạo giáo từng bước ảnh hưởng sâu rộng vào Hải Dương, tạo nên nét đặc sắc văn hoá “tam giáo đồng nguyên”.

2 Giáo dục, khoa cử

Giáo dục của Hải Dương thế kỉ X – XVI phát triển như thế nào?

Từ thời nhà Lý, ngay từ những khoa thi đầu tiên, đất Hồng Châu (Hải Dương) đã có Mạc Hiến Tích, người xã Lũng Động – huyện Chí Linh (nay là xã Nam Tân, huyện Nam Sách) đỗ đầu khoa thi năm Bính Dần (1086) và trở thành người khai khoa cho tỉnh Hải Dương. Trong số sáu khoa thi thời Lý, vùng đất Hải Dương (Hồng Lộ) có năm người đỗ đạt.

Đến thời Trần, Hồng Châu có nhiều người đỗ đạt cao ra làm quan. Trong lĩnh vực ngoại giao và văn học có Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi; cống hiến cho sự nghiệp giáo dục có thầy giáo Chu Văn An; lĩnh vực y học có Đại danh y Tuệ Tĩnh,... Ngoài ra, còn rất nhiều người đỗ đạt thành danh như: Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Đại Năng (Kinh Môn); Nguyễn Phi Khanh (Chí Linh); Lê Cảnh Tuân (Bình Giang),...

*Mạc Đĩnh Chi (1280 – 1346)
người làng Lũng Động, huyện
Chí Linh (nay thuộc xã Nam
Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải
Dương). Ông đỗ Trạng nguyên và
làm quan dưới thời vua Trần Anh
Tông. Ông được cử đi sứ Trung
Quốc và được vua Nguyên phong
“Lưỡng quốc Trạng nguyên”
(Trạng nguyên hai nước).*



Hình 3. Đền thờ Mạc Đĩnh Chi (huyện Nam Sách)

Tuệ Tĩnh (1330 – 1385), người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thai, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương) là người mở đầu cho nền y dược cổ truyền Việt Nam, được nhân dân tôn là vị thánh thuốc Nam. Ông đã xây dựng 24 ngôi chùa, cũng chính là y xá chữa bệnh. Ông tập hợp nhiều phương thuốc quý cho y học cổ truyền Việt Nam.



Hình 4. Đền thờ Tuệ Tĩnh
(xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng)

Thời Lê sơ, cùng với việc đề cao giáo dục, khoa cử của nhà nước, giáo dục ở Hải Dương cũng phát triển thêm một bước mới. Văn miếu trấn Hải Dương được xây dựng vào thế kỉ XV tại xã Vĩnh Lại, huyện Đường An (nay thuộc xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang) là một biểu tượng về sự phát triển giáo dục xứ Đông. Qua các khoa thi dưới thời Lê sơ với 31 kì thi, lấy đỗ 647 tiến sĩ, thì xứ Đông đã có 221 người đỗ tiến sĩ. Đến triều Mạc (1527 – 1592) tổ chức 22 khoa thi, lấy đỗ 485 người, trong đó Hải Dương có 122 người.



Nêu những thành tựu tiêu biểu về văn hoá – giáo dục của Hải Dương dưới thời Lý – Trần – Lê sơ. Nhận xét về sự phát triển của văn hoá Hải Dương trong thời kì này.



1. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về văn hoá Hải Dương thế kỉ X – XVI.
2. Sưu tầm câu chuyện kể về những nhân vật lịch sử, những danh nhân văn hoá của thời kì Lý – Trần – Lê sơ tại huyện, thị xã, thành phố nơi em sống.

Chủ đề 2

HẢI DƯƠNG – PHÊN GIẬU PHÍA ĐÔNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ CỦA DÂN TỘC (THẾ KỈ X – XVI)

Mục tiêu

- Nêu được tầm quan trọng về vị thế của trấn Hải Dương đối với các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm.
- Nhận xét, đánh giá được vai trò trấn thủ của Hải Dương trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.
- Giới thiệu được về một vài địa danh của Hải Dương gắn với chiến thắng trong đấu tranh chống xâm lược.



Tượng đài Trần Hưng Đạo (xã An Sinh, thị xã Kinh Môn, Hải Dương)

VỊ TRÍ TRẤN THỦ CỦA HẢI DƯƠNG



Từ khi nhà Lý dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (năm 1010), vùng đất Hải Dương trở thành một trong “tứ trấn” quan trọng và được coi là phen giậu phía Đông của kinh thành.

Với vị trí đó, Hải Dương có vai trò như thế nào trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm thế kỉ X – XVI?

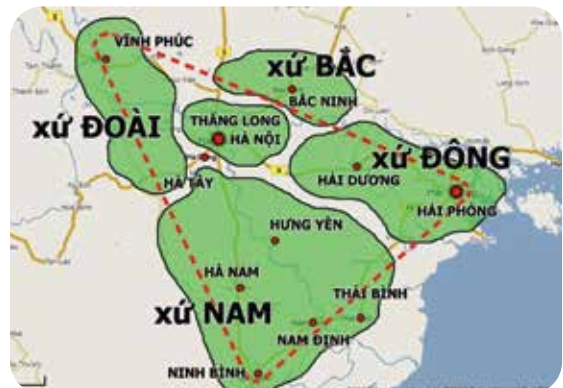


1 Địa thế của vùng đất Hải Dương

Địa thế của Hải Dương có đặc điểm gì?

Địa thế của Hải Dương xưa rất đặc biệt: phía Đông Bắc có dãy núi Yên Tử thuộc cánh cung Đông Triều tạo bức tường thành che chắn; phía Tây Bắc là hệ thống Lục Đầu Giang, là điểm chốt quan trọng chặn mọi tuyến đường thủy từ phía Đông Bắc vào kinh thành Thăng Long.

Trong bốn trấn thủ: xứ Đông, xứ Bắc, xứ Đoài, xứ Nam; Hải Dương là một trấn thủ trọng yếu ở phía Đông, bảo vệ kinh thành Thăng Long.



Hình 1. Lược đồ tứ trấn của kinh thành Thăng Long

Lục Đầu Giang là nơi hội tụ của sáu dòng sông: sông Thương, sông Lục Nam, sông Cầu, sông Đuống, sông Thái Bình và sông Kinh Thầy. Đây là con đường thủy duy nhất từ phía Đông Bắc vào Thăng Long.



Hình 2. Lược đồ Lục Đầu Giang

Là một trong “tứ trấn” của kinh thành, với địa thế đặc biệt nên từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI, Hải Dương luôn giữ vai trò là “phên giậu” trọng yếu trong các cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

2 Vai trò trấn thủ của Hải Dương trong các cuộc đấu tranh chống xâm lược thế kỉ X – XVI

Vai trò trấn thủ của Hải Dương được thể hiện như thế nào trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược thế kỉ X – XVI?

Là vùng đất có địa thế hiểm yếu về quân sự nên trong suốt tiến trình đấu tranh chống xâm lược thế kỉ X – XVI, Hải Dương luôn khẳng định vai trò là một trấn thủ quan trọng của phía Đông kinh thành Thăng Long.

Năm 981, vua Lê đã chọn Dục Đậu Trang (An Lạc, Chí Linh) làm nơi đóng đại bản doanh để kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất.



Hình 3. Đền thờ vua Lê Đại Hành (thành phố Chí Linh)

Năm 1077, phòng tuyến Vạn Xuân khu vực sông Lục Đầu tạo thành bức tường thành vững chắc góp phần quan trọng trong chiến thắng quân Tống xâm lược lần thứ hai.



Hình 4. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống năm 1077

Thời nhà Trần, đại bản doanh Vạn Kiếp góp phần quyết định làm nên thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên cuối thế kỉ XIII.



Hình 5. Sông nước Vạn Kiếp

Những thắng lợi quyết định gắn với Hải Dương thế kỉ X – XVI đã khẳng định vai trò “phên giậu” của vùng đất xứ Đông, đồng thời khẳng định truyền thống yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của nhân dân địa phương trong công cuộc bảo vệ đất nước.



Đánh giá vai trò của vùng đất Hải Dương trong quá trình đấu tranh chống xâm lược thế kỉ X – XVI.



Giới thiệu về một địa danh tại Hải Dương từng được coi là trấn thủ trong đấu tranh chống ngoại xâm thế kỉ X – XVI.

MỘT SỐ CHIẾN THẮNG TIÊU BIỂU GẮN VỚI VÙNG ĐẤT HẢI DƯƠNG



Hai câu đối tại Nghi môn đền Kiếp Bạc có nội dung:

“Kiếp Bạc muôn ngọn núi đều có hùng khí của kiếm thiêng
Lục Đầu không còn nước nào chẳng vọng tiếng Thu”

Vùng đất Vạn Kiếp, Lục Đầu Giang đã ghi dấu những chiến công oai hùng của dân tộc trong đấu tranh chống ngoại xâm như thế nào?



1 Chiến thắng Lục Đầu Giang năm 981

Chiến thắng Lục Đầu Giang năm 981 đã diễn ra như thế nào?

Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống lần thứ nhất, vùng đất Hải Dương tuy không phải là địa bàn diễn ra các trận quyết chiến chiến lược, nhưng với vai trò là một vị trí quan trọng nên nhân dân Hải Dương, đặc biệt là nhân dân Vạn Kiếp đã góp phần đáng kể vào sự nghiệp đánh thắng quân Tống.

Đầu năm 981, quân Tống xâm lược nước ta theo hai đường thủy, bộ. Cánh quân thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy tiến vào nước ta theo cửa sông Bạch Đằng. Trước sức mạnh của quân Tống, lực lượng quân của Đại Cồ Việt không giữ được cửa ngõ Bạch Đằng. Lê Hoàn cho rút quân về vùng núi thuộc Kinh Môn và Chí Linh để vừa củng cố lực lượng, vừa phát triển chiến tranh du kích, làm suy yếu quân Tống. Đặc biệt, Lê Hoàn đã cho xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc trên sông Lục Đầu.

Tháng 2 và tháng 3 năm 981, nghĩa quân đánh thắng nhiều trận trên sông Kinh Thầy và Lục Đầu Giang, tạo nền tảng cho chiến thắng cuối cùng trên sông Bạch Đằng vào tháng 4 năm 981.

Ngày 30 Tết năm Canh Thìn (tức ngày 7 – 2 – 981), Hầu Nhân Bảo chỉ huy cánh quân thủy tiến theo sông Kinh Thầy vào sông Lục Đầu nhằm tiến vào Đại La, làm bàn đạp tiến đánh Hoa Lư. Chiến tuyến Lục Đầu Giang với hệ thống núi sông hiểm trở, cùng với sự chỉ huy trực tiếp của Lê Hoàn cùng các tướng Trần Công Ích, Trần Bảo Chung,... đã trở thành phòng tuyến vững chắc, làm tiêu hao sinh lực và chặn đứng đường tiến công của quân Tống.



Hình 1. Lược đồ cuộc kháng chiến chống Tống năm 981

Thất bại ở sông Lục Đầu đã làm quân Tống suy yếu, rệu rã, tạo thời cơ cho quân dân Đại Cồ Việt đẩy mạnh tiến công, đi đến thắng lợi cuối cùng trên sông Bạch Đằng vào tháng 4 năm 981.

Trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 981, Lục Đầu Giang là một tuyến phòng thủ trọng yếu, khẳng định vai trò “phên giậu” của đất Hồng Châu. Nhân dân Hồng Châu đã đóng góp nhiều nhân tài, vật lực, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

2 Chiến thắng quân Nguyên tại Vạn Kiếp

a. Năm 1285

Đọc thông tin và quan sát lược đồ hình 3 (trang 25), hãy cho biết những nét diễn biến chính về trận đánh tại Vạn Kiếp trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1285.

Vùng đất Vạn Kiếp thuộc lộ Hải Đông thời Trần (nay thuộc thành phố Chí Linh – Hải Dương) được bao bọc bởi hệ thống núi hiểm trở: núi Vạn Yên, Bắc Đẩu, Nam Tào,... nhìn ra sông Lục Đầu. Đây là đầu mối huyết mạch giao thông thủy, bộ trấn giữ cửa ngõ phía Đông kinh thành Thăng Long.

Sớm nhận ra vị trí chiến lược quan trọng của Vạn Kiếp và Lục Đầu Giang, ngay sau cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất năm 1258, Trần Quốc Tuấn đã chọn nơi này để xây dựng chiến lũy quân sự trọng yếu của đất nước.

Đại bản doanh Vạn Kiếp là một khu vực rộng lớn, có dãy núi Trán Rồng hình tay ngai, bao bọc thung lũng sông Thương, có thể tập kết hàng nghìn chiến thuyền. Hệ thống núi rừng của cánh cung Yên Tử có thể là căn cứ an toàn cho hàng vạn quân. Trên đỉnh núi có thể quan sát rõ cả một vùng bao la, tạo thế chủ động cho quân sĩ.



Hình 2. Một thung lũng sông Thương ăn sâu vào Vạn Kiếp

Năm 1282, trước kế hoạch tấn công Đại Việt của quân Nguyên, nhà Trần đã tổ chức Hội nghị Vương hầu bách quan (Hội nghị Bình Than) tại Trần Xá bên dòng sông Kinh Thầy (nay thuộc xã Nam Hưng, huyện Nam Sách) để bàn kế sách đánh giặc.

Trong quá trình nhà Trần thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" (từ tháng 2 - 1285), triều đình rút về Thiên Trường (đất Nam Định cũ) và Trường Yên (Ninh Bình), Trần Quốc Tuấn đã cho tập trung lực lượng, dựa vào địa hình hiểm trở của hệ thống núi, sông tại Vạn Kiếp để xây dựng một hệ thống điểm chốt chặn trọng yếu, nhằm tiêu diệt cánh quân thủy của địch rút khỏi Thăng Long.

Ngày 10 - 6 - 1285, cánh quân của Thoát Hoan rút chạy nhưng bị chặn đánh tại sông Như Nguyệt nên đã chuyển hướng, rút theo đường sông Thương.



Hình 3. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ hai (năm 1285)

Tại sông Thương, Vạn Kiếp, lực lượng mai phục của Trần Quốc Tuấn đã tiêu diệt phần lớn cánh quân thủy của địch, Thoát Hoan phải trốn trong ống đồng để rút khỏi Vạn Kiếp.



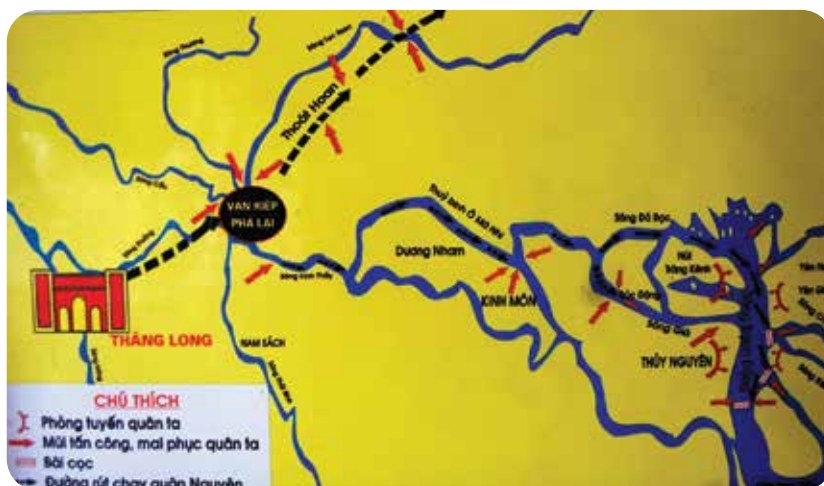
Hình 4. Tranh vẽ trận Vạn Kiếp năm 1285

Vạn Kiếp trở thành mồ chôn quân giặc, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược lần thứ hai. Chiến thắng Vạn Kiếp có sự đóng góp to lớn của nhân dân Hải Dương nói chung, nhân dân Vạn Kiếp nói riêng.

b. Năm 1288

Quan sát lược đồ hình 5 (trang 26) và cho biết: Vạn Kiếp có vai trò như thế nào trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên năm 1288?

Nhận thấy vai trò trọng yếu của Vạn Kiếp, trong cuộc xâm lược Đại Việt lần thứ ba năm 1288, quân Nguyên quyết chiếm Vạn Kiếp nhằm tạo bước đệm vững chắc để tấn công vào Thăng Long. Vạn Kiếp một lần nữa trở thành chiến trường của cuộc chiến.



Hình 5. Lược đồ kháng chiến chống quân Nguyên năm 1288

Ngày 9 – 4 – 1288, Ô Mã Nhi cùng tàn quân rút theo đường thủy. Vạn Kiếp và sông Bạch Đằng đã trở thành một chiến trường thống nhất, quân của Trần Quốc Tuấn đã bắt sống tướng giặc Ô Mã Nhi và tiêu diệt phần lớn cánh quân thủy của địch, số còn lại rút về Vạn Kiếp, bị quân ta tấn công tiêu diệt.

Chiến thắng quân Nguyên là một trong những chiến công vĩ đại bậc nhất trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta. Vùng đất Hải Dương không chỉ là nơi cung cấp nhân tài, vật lực cho kháng chiến mà còn là nơi diễn ra những trận đánh quyết liệt nhất, ghi dấu những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.



1. Kể tên những trận đánh, chiến thắng gắn với vùng đất Hải Dương trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc thế kỉ X – XVI.
2. Đánh giá vai trò của nhân dân Hải Dương đối với các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của Việt Nam trong các thế kỉ X – XV.



Giới thiệu những dấu tích của chiến trường Vạn Kiếp xưa tại khu vực Kiếp Bạc ngày nay.

KẾT NỐI DI SẢN

Thái ấp Vạn Kiếp là nơi Trần Hưng Đạo đã sống, chiến đấu và trút hơi thở cuối cùng. Tại đây, ông đã viết các tác phẩm như *Binh thư yếu lược*, *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*,... tổng kết kinh nghiệm trong đấu tranh giữ nước, chống giặc ngoại xâm. Cũng chính nơi đây, Trần Hưng Đạo đã nói những lời trăng trối cuối cùng với vua Trần về kế sách giữ nước: “*Có thu dụng quân lính như cha con mới dùng quân được*” và “*Thời bình phải khoan thư sức dân, làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước*”.

Chủ đề 3

NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG CỦA HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Trình bày được nguồn gốc ra đời, đặc trưng và sự bảo tồn của các loại hình nghệ thuật truyền thống (nghệ thuật chèo, ca trù, múa rối nước, hát trống quân) tại Hải Dương.
- Nhận xét được giá trị văn hoá của các loại hình nghệ thuật này đối với đời sống nhân dân địa phương.
- Trải nghiệm, thực hành một vài làn điệu dân ca (chèo, ca trù); nêu các giải pháp bảo tồn các loại hình nghệ thuật này trong giai đoạn hiện nay.



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hải Dương là vùng đất thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, có bề dày truyền thống lịch sử và văn hoá. Gắn với nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, vùng đất xứ Đông nổi tiếng là một trong những cái nôi của nhiều loại hình nghệ thuật dân gian.

Những hình ảnh trên minh họa cho các loại hình nghệ thuật truyền thống nào? Các loại hình nghệ thuật đó được phát triển như thế nào ở Hải Dương?

NGHỆ THUẬT CHÈO



Hải Dương có phải một trong những cái nôi của nghệ thuật chèo không?

Chèo là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền của Việt Nam, được ra đời từ thế kỉ X. Người nghệ sĩ dân gian đầu tiên được sử sách ghi nhận là bà Phạm Thị Trân.

Bà Phạm Thị Trân, sinh năm 926 tại đất Hồng Châu (Hải Dương), là người được triều đình nhà Đinh – Tiên Lê giao nhiệm vụ dạy múa hát trong cung đình và quân đội. Bà là người đặt nền móng cho nghệ thuật chèo ở nước ta.



Hình 1. Đền thờ bà Phạm Thị Trân tại Ninh Bình

Ban đầu, nghệ thuật chèo được sử dụng phục vụ hoàng cung, sau đó, phát triển rộng ra khắp các làng quê, gắn chặt với đời sống của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ và phát triển đạt đến đỉnh cao trong các thế kỉ XVIII – XIX. Từ những chiếu chèo sân đình, đã đưa đến sự xuất hiện các gánh chèo gia đình, các phường chèo,... Sự phát triển rộng của nghệ thuật chèo đã tạo nên những vùng chèo mang nét đặc sắc riêng của các làn điệu, hình thức diễn xướng dân ca vùng, miền, gọi là chiếu chèo.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ có bốn chiếu chèo: Chiếu chèo Đông, Bắc, Nam, Đoài tương ứng với bốn trấn là Hải Đông, Sơn Tây, Sơn Nam và Kinh Bắc. Chiếu chèo Đông thuộc xứ Đông (gồm Hải Dương, Hải Phòng, phía Đông Hưng Yên và Tây Quảng Ninh ngày nay) được coi là đất chèo gốc, là chiếu chèo nổi tiếng trong tứ chiếu với sắc thái chèo mang âm hưởng ca trù, hát đúm và hát trống quân.



Hình 2. Lược đồ về tứ trấn của kinh thành Thăng Long



Hình 3. Một tiết mục biểu diễn của nhà hát Chèo Hải Dương

Chèo là loại hình nghệ thuật tổng hợp, kết hợp chặt chẽ giữa hát, múa và diễn tích. Lời hát chủ yếu là thơ dân gian, các tích trò chủ yếu lấy từ truyện cổ tích. Nghệ thuật chèo là một di sản văn hoá quý báu của dân tộc ta.

Nghệ thuật chèo đã được bảo tồn và phát triển tại nhiều địa phương của Hải Dương với các làng chèo nổi tiếng như: làng chèo Lũng Quý, xã Kiến Quốc, Ninh Giang; làng Chuông, xã Tân Phong, Ninh Giang; làng chèo Tuyển Cử, xã Tân Hồng, Bình Giang. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ chèo quần chúng vẫn hoạt động sôi nổi, tiêu biểu là câu lạc bộ hát chèo Thượng Đạt (phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương); câu lạc bộ chèo An Lạc (xã Nam Hưng, huyện Nam Sách); câu lạc bộ chèo Nhân Quyền (xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang); câu lạc bộ An Lạc (thành phố Chí Linh);...



Hình 4. Chèo làng Chuông (nay là thôn Hữu Chung, xã Tân Phong, huyện Ninh Giang)

Hiện nay, hát chèo là tiết mục không thể thiếu trong lễ hội của các địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Nghệ thuật chèo là di sản văn hoá quý báu của dân tộc.



1. Tại sao nghệ thuật chèo được coi là một di sản văn hoá quý báu của dân tộc cần được gìn giữ?
2. Giới thiệu một số tác phẩm sân khấu chèo mà em biết.



Trải nghiệm: Thể hiện một tiết mục nghệ thuật chèo.

MÚA RỐI NƯỚC



Nghệ thuật múa rối nước ở Hải Dương được ra đời và phát triển như thế nào?

Múa rối nước là một thể loại nghệ thuật sân khấu dân gian truyền thống, được ra đời từ thời nhà Lý và phát triển trong các thế kỉ XV – XVI. Từ một loại hình nghệ thuật phục vụ trong cung đình, múa rối nước dần được phát triển rộng trong các làng quê Bắc Bộ, đưa đến sự hình thành của các phường, hội. Mỗi phường, hội có những bí quyết, tạo nên nét đặc sắc riêng. Qua quá trình giao lưu, so tài giữa các phường, hội, múa rối nước ngày càng phát triển hoàn thiện, tạo thành một loại hình nghệ thuật đặc sắc của Việt Nam.

Múa rối nước dùng con rối để diễn trò, diễn kịch trên mặt nước, dùng mặt nước làm sân khấu (gọi là nhà rối hay thủy đình). Các con rối được làm bằng gỗ biểu diễn nhờ sự điều khiển qua hệ thống sào, dây,... Múa rối nước là loại hình nghệ thuật tổng hợp, mang đậm nét sinh hoạt văn hoá cộng đồng của làng quê Bắc Bộ Việt Nam.



Hình 1. Nghệ thuật múa rối nước

Vùng đất xứ Đông được coi là nơi nuôi dưỡng, lưu giữ và phát huy nghệ thuật múa rối nước độc đáo với ba phường rối tiêu biểu gồm: phường rối nước Hồng Phong (huyện Ninh Giang); Thanh Hải (huyện Thanh Hà) và Lê Lợi (huyện Gia Lộc).

Nghệ thuật múa rối nước của thôn Bùi Thượng (xã Lê Lợi, huyện Gia Lộc) là do sự truyền dạy của vị Thành Hoàng làng Trương Công Tế, vốn là một tướng quân thời Lý.



Hình 2. Múa rối nước (phường Lê Lợi, huyện Gia Lộc)



Hình 3. Sân khấu múa rối nước (phường Hồng Phong, huyện Ninh Giang)

Theo tư liệu tại đình làng Bồ Dương (xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang), nghề múa rối nước ở địa phương này có từ thế kỉ XIV. Những hình ảnh con rối như chú Tễu, đô vật,... được chạm khắc tinh xảo trong đình Bồ Dương là minh chứng khẳng định múa rối nước đã trở thành nét văn hoá của người dân nơi đây từ rất lâu đời.

Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà cũng được coi là nơi khởi nguồn của nghệ thuật múa rối nước ở Hải Dương. Tương truyền, từ thời nhà Lý, một người con đi làm ăn xa đã mang nghề múa rối nước về dạy cho dân làng và thành lập nên phường rối nước địa phương.



Hình 4. Múa rối nước (xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà)

Múa rối nước Hải Dương nổi tiếng với nhiều tích, trò đặc sắc, hấp dẫn mô phỏng các nét văn hoá, phong tục, sinh hoạt và sản xuất, đời sống tâm linh của người dân đồng bằng Bắc Bộ như: tấu giáo đầu, cắm cờ hội, múa rồng, múa rắn, bơi bắt vịt, câu cá, úp nơm, câu ếch, chẵn vịt, chọi trâu, múa tiên, múa tứ linh, chơi đu ngày hội, quay tơ dệt lụa,...



Từ năm 2012, múa rối nước Hải Dương đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Hiện nay, hoạt động biểu diễn của các phường rối nước ở Hải Dương vẫn được diễn ra thường xuyên tại thủy đình của các phường rối nhằm phục vụ nhân dân và khách du lịch. Nhiều tiết mục đặc sắc của các phường rối đã xuất hiện trong những sự kiện quan trọng của tỉnh cũng như các cuộc thi lớn toàn quốc.



1. Tại sao múa rối nước được đánh giá là loại hình nghệ thuật đặc sắc?
2. Kể tên những tiết mục múa rối nước mà em đã được xem.



Giới thiệu với bạn bè về một tiết mục biểu diễn nghệ thuật múa rối nước tại Hải Dương.

CA TRÙ



Tại sao ca trù được coi là di sản văn hoá cần bảo vệ khẩn cấp?

Ca trù là loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo của Việt Nam, xuất hiện từ thế kỉ XI, được thịnh hành từ thế kỉ XV và phát triển đỉnh cao trong thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Ban đầu ca trù chủ yếu được diễn ra tại cung đình, sau được mở rộng không gian, hát tại các đình làng, đền thờ thần, nhà thờ tổ nghề và các dinh thự, cung phủ của quan lại, quý tộc.

Ca trù có nhiều tên gọi: hát cửa đình, hát nhà trò (hát ở đình, đền, miếu); hát cửa quyền (trong cung phủ); hát nhà tơ (hát ở dinh quan, tư gia các gia đình quyền quý); hát ả đào, hát cô đầu (hát ở các ca quán),... Với đặc trưng ca từ mang tính uyên bác, ít lời mà nhiều nghĩa, giàu chất thơ, sâu lắng, mang nhiều cảm xúc, ca trù đặc biệt được giới trí thức yêu thích.



Hình 1. Biểu diễn ca trù (ảnh minh họa)

Hải Dương cũng là vùng đất nuôi dưỡng và phát triển nghệ thuật ca trù. Trước Cách mạng tháng Tám, hoạt động hát ca trù diễn ra khá sôi nổi tại Hải Dương với sự góp mặt của nhiều trùm, đào, kép như: Giáo phường ca trù Cao La thuộc xã Dân Chủ (Tứ Kỳ); Giáo phường thôn An Xá, xã Quốc Tuấn (huyện Nam Sách); Giáo phường

Tào Khê, Thúc Kháng và Dương Xá, Nhân Quyền (huyện Bình Giang),... Các gánh ca trù đã tạo nên không gian ca trù rộng khắp các đình, đền của tỉnh Hải Dương. Đặc biệt tại phố Ghi xưa (nay là đường Chi Lăng, thành phố Hải Dương) có cả một dãy phố hát ca trù thoả mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của người trung lưu.

Từ năm 1998 đến nay, trên địa bàn tỉnh Hải Dương có sáu câu lạc bộ ca trù với 94 thành viên tham gia sinh hoạt, đó là: Câu lạc bộ ca trù của Trung tâm Văn hoá tỉnh; câu lạc bộ ca trù thành phố Hải Dương; câu lạc bộ ca trù huyện Cẩm Giàng; câu lạc bộ ca trù huyện Nam Sách; câu lạc bộ ca trù xã Dân Chủ (huyện Tứ Kỳ); câu lạc bộ ca trù huyện Bình Giang.



Hình 2. Tiết mục biểu diễn ca trù tại Hải Dương

Ca trù được coi là một hiện tượng văn hoá hết sức đặc biệt, có tác động mạnh mẽ tới đời sống văn hoá – xã hội người Việt vùng đồng bằng Bắc Bộ. Cho tới ngày nay, dòng âm nhạc dân gian này đã đạt đến trình độ thẩm mỹ cao, được khán giả trong và ngoài nước rất ngưỡng mộ. Năm 2009, nghệ thuật ca trù tỉnh Hải Dương cùng với 15 tỉnh, thành phố có không gian ca trù được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.



Nêu đặc điểm của nghệ thuật ca trù.



1. Trải nghiệm: Nghe và hát ca trù.
2. Hãy đề xuất một số giải pháp để bảo tồn và quảng bá về ca trù tại Hải Dương.

HÁT TRỐNG QUÂN



Hát trống quân là loại hình nghệ thuật như thế nào?

Hát trống quân là loại hình dân ca dưới hình thức hát ví von, đối đáp giao duyên của người Việt vùng đồng bằng và trung du Bắc – Trung Bộ, thường được tổ chức trong các lễ hội hoặc trong những đêm trăng sáng,... Đây là loại hình nghệ thuật độc đáo, phong phú, hấp dẫn của âm nhạc dân gian, vừa mang đậm nét dân dã, mộc mạc của làn điệu, nhưng lại vừa thể hiện trí tuệ, tài hoa, linh hoạt trong sử dụng ngôn từ, câu chữ. Lời hát thường được chắt lọc từ chính cuộc sống đời thường của người dân, chứa đựng rõ nét phong tục, tập quán, tín ngưỡng dân gian của người Việt.

Hát trống quân là thể loại dân ca có từ lâu đời tại vùng đất Hải Dương và là một phần không thể thiếu của đời sống văn hoá người xứ Đông. Tuy nhiên, trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, hát trống quân dần bị lãng quên. Hiện nay, thể loại dân ca độc đáo này chỉ còn được lưu giữ tại thôn Ngọc Cục và Tào Khê (xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang).



Hình 2. Đình làng Ngọc Cục
(xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang)

Hát trống quân tại làng Ngọc Cục và Tào Khê (xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang) có từ thời xa xưa và phát triển mạnh vào thế kỉ XVII – XVIII với nhiều nghệ sĩ dân gian chuyên đi hát trống quân ở nhiều nơi. Ngày nay, hát trống quân vẫn được duy trì và phát triển tại địa phương này. Đặc biệt, vào dịp Trung thu hằng năm và các lễ hội tại địa phương, hát trống quân ngày càng được tổ chức quy mô tại các đình làng.

Sự hấp dẫn của nghệ thuật hát trống quân là hát đối, vừa hát vừa sáng tác, thể hiện sự thông minh, nhanh trí của những người tham gia và tinh thần đồng đội, đoàn kết keo sơn. Các điệu hát trống quân chủ yếu là thể lục bát.

Khi bên nam hát:

*Bây giờ Mận mới hỏi Đào
Vườn Hồng đã có ai vào hay chưa?*

Bên nữ đáp lại:

*Mận hỏi thì Đào xin thưa
Vườn Hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

Nhạc cụ cho hát trống quân là “trống thùng” có hai cọc được cắm ở hai bên, một bên cọc là phe nam, một bên cọc là phe nữ đứng; một sợi dây thừng được buộc vào hai cọc. Khi gõ vào đầu dây ở phía cọc, dây bật vào đáy thùng mà kêu thành tiếng. Trong quá trình đối đáp, bên nào hát dứt câu thì đánh vào trống thùng vừa để làm nhịp, vừa để thúc giục phe bên kia hát đáp lại. Sợi dây thừng là ranh giới của nam và nữ (đây là biểu tượng của quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân” trong văn hoá Việt).



Hình 1. Mô hình minh họa nhạc cụ hát trống quân tại bảo tàng tỉnh Hải Dương



Năm 2013, câu lạc bộ hát trống quân ở hai thôn Ngọc Cục, Tào Khê ra đời. Các thành viên trong hai câu lạc bộ duy trì sinh hoạt đều đặn hàng tuần, hàng tháng để cùng nhau lưu giữ những bài hát cổ và sáng tác những bài hát mới ca ngợi quê hương, đất nước đổi mới. Năm 2016, nghệ thuật hát trống quân xã Thúc Kháng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia. Sự kiện này cũng đặt ra trách nhiệm và những yêu cầu mới trong bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị di sản này.



Nêu đặc điểm của nghệ thuật hát trống quân.



1. Hãy biểu diễn một tiết mục hát trống quân.
2. Đề xuất một số giải pháp để bảo tồn nghệ thuật hát trống quân tại Hải Dương.

Chủ đề 4

TỤC NGŨ, CA DAO HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Nhận biết được đặc điểm của tục ngữ, ca dao qua đọc hiểu tục ngữ, ca dao Hải Dương.
- Đọc hiểu được nội dung, hình thức một số câu tục ngữ, bài ca dao Hải Dương.
- Trân trọng, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân gian Hải Dương.
- Có ý thức sưu tầm, tìm hiểu một số câu tục ngữ, bài ca dao còn lưu truyền ở các địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Viết được bài, đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một câu tục ngữ, bài ca dao của Hải Dương.
- Rèn phát âm chuẩn tiếng Việt khi đọc và nói.



Cổng đền Kiếp Bạc (xã Hưng Đạo, thành phố Chí Linh)

TỤC NGỮ HẢI DƯƠNG



Giới thiệu một câu tục ngữ Hải Dương, cho biết:

- Kinh nghiệm được phản ánh trong câu tục ngữ.
- Tác dụng của việc sử dụng câu tục ngữ trong giao tiếp.



Hình 1. Cổng đền thờ Đức Thần Tổ Vũ Hồn và 36 tiến sĩ làng Mộ Trạch (xã Tân Hồng, huyện Bình Giang)



1 Kiến thức ngữ văn

Tục ngữ Hải Dương là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, khái quát những kinh nghiệm nhiều mặt của người Hải Dương.

Các đề tài chính của tục ngữ Hải Dương là tự nhiên, con người, lao động sản xuất, truyền thống quê hương, các sản vật địa phương.

Mỗi câu tục ngữ Hải Dương thường có nguồn gốc từ một địa phương nhất định, gắn với một địa danh cụ thể và phản ánh những nét đặc trưng, truyền thống ở một vùng quê của Hải Dương.

2 Đọc hiểu văn bản



Chuẩn bị trước khi đọc

- Tìm hiểu đặc điểm tục ngữ Hải Dương.
- Khi tìm hiểu các câu tục ngữ cần chú ý:
 - + Xác định phương thức biểu đạt của mỗi câu tục ngữ.
 - + Ý nghĩa của mỗi câu tục ngữ.
 - + Những kinh nghiệm và bài học gợi ra từ những câu tục ngữ.
- Tìm hiểu tri thức về lịch sử, địa lí có liên quan.



Đọc hiểu

1. Tháng chín đôi mươi, tháng mười mùng năm.
2. Cây tháng ba, cà ra tháng mười.
3. Khoai làng Đò¹ giò Hà Nội.
4. Cau Phù Tải² vải Thuý Lâm³.
5. Tiền làng Đọc, thóc làng Nhữ, chữ làng Chăm⁴.
6. Quan làng Cốc⁵, ốc làng Cờ⁶.
7. Ăn làng Bói⁷, nói làng Viên⁸.



Hình 2. Vải thiều Thanh Hà



- (1) Làng Đò nay là khu dân cư An Trung, phường An Lưu, thị xã Kinh Môn.
- (2) Phù Tải ở xã Kim Đính, huyện Kim Thành.
- (3) Thuý Lâm ở xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà.
- (4) Làng Đọc nay là làng Đan Loan, xã Nhân Quyền có nghề nhuộm vải; làng Nhữ Xã, xã Thái Hoà có nhiều ruộng, làng Chằm (tức làng Mộ Trạch) xã Tân Hồng, huyện Bình Giang có nhiều người đỗ tiến sĩ thời trước.
- (5) Làng Cốc còn gọi là làng Thượng Cốc ở xã Gia Khánh huyện Gia Lộc. (6) Làng Cờ ở xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ.
- (7), (8) Làng Bói ở xã Tân Hương, làng Viên ở xã Hồng Dụ, cùng thuộc huyện Ninh Giang.

Tìm hiểu sau khi đọc

1. Dựa vào nội dung, em hãy sắp xếp các câu tục ngữ trên theo các nhóm và đặt tên từng nhóm.
2. Tìm hiểu từng câu tục ngữ theo nội dung sau:
 - a. Hình thức thể hiện của câu tục ngữ (diễn đạt, từ ngữ, hình ảnh, phép tu từ, ngắt nhịp, gieo vần...).
 - b. Nội dung của câu tục ngữ hoặc giá trị kinh nghiệm được phản ánh trong câu tục ngữ.
 - c. Kinh nghiệm nêu trong câu tục ngữ có thể được áp dụng trong trường hợp nào?
3. Trình bày cảm nhận về quê hương và con người Hải Dương qua các câu tục ngữ.
4. Em thích nhất câu tục ngữ nào? Vì sao?
5. Từ một câu tục ngữ về sản vật địa phương, em hãy viết một đoạn văn giới thiệu về sản vật đó.

Đọc kết nối mở rộng

1. Tháng mười cà ra, tháng ba tôm rảo.
2. Ổi Nguyên Khê⁽¹⁾, lợn sề Thạch Lỗi⁽²⁾.
3. Lắm thóc Đại Điền⁽³⁾, lắm tiền Cam Lộ⁽⁴⁾.
4. Chó làng Chăm cắn ra chữ, chó làng Nhữ cắn ra thóc, chó làng Đọc cắn ra tiền.
5. Văn chương Chăm, Vạc⁽⁵⁾ cờ bạc Văn Thai.
6. Gái Văn Thai⁽⁶⁾, trai Phú Lộc⁽⁷⁾.
7. Đầu, Tè⁽⁸⁾ no dạ, thiên hạ thái bình.



- (1) Nguyên Khê ở thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng.
- (2) Xã Thạch Lỗi, huyện Cẩm Giàng.
- (3), (4) Đại Điền ở xã Hồng Lạc. Cam Lộ ở xã Tân Việt, huyện Thanh Hà.
- (5) Làng Vạc ở xã Thái Học, huyện Bình Giang.
- (6) Văn Thai ở xã Cẩm Văn, (7) Phú Lộc ở xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng.
- (8) Đầu, Tè là các làng ở xã Hợp Tiến, huyện Nam Sách.



Viết một bài, đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một câu tục ngữ mà em yêu thích.



1. Sưu tầm, giới thiệu các câu tục ngữ ở địa phương mình.
2. Tập làm phóng viên, hướng dẫn viên: Giới thiệu về một sản vật hoặc một địa danh gợi nhắc trong các câu tục ngữ Hải Dương.
3. Tập làm video, giới thiệu về tục ngữ Hải Dương.
4. Tham quan một số làng nghề hoặc địa danh gợi nhắc trong các câu tục ngữ Hải Dương.

CA DAO HẢI DƯƠNG



1. Giới thiệu một bài ca dao Hải Dương, cho biết:
 - Nội dung được phản ánh trong bài ca dao.
 - Thể thơ, nhịp, vần điệu của bài ca dao.
2. Ngâm hoặc hát bài ca dao trên theo làn điệu thích hợp.



Hình 1. Cổng đình thôn Vạn Tải (xã Hồng Phong, huyện Nam Sách)



1 Kiến thức ngữ văn

Ca dao Hải Dương là sáng tác thơ ca dân gian Hải Dương được truyền miệng dưới dạng những câu hát, thường phổ biến theo thể thơ lục bát cho dễ thuộc, dễ nhớ.

Ca dao Hải Dương phong phú về nội dung, đề tài, đề cập đến nhiều khía cạnh cuộc sống và tâm hồn con người. Các chủ đề phổ biến trong ca dao Hải Dương là ca ngợi cảnh sắc và truyền thống, phong tục quê hương, phản ánh đời sống tâm hồn của người Hải Dương thủy chung, nghĩa tình,...

Mỗi bài ca dao Hải Dương thường có nguồn gốc từ một địa phương, gắn với một địa danh cụ thể, phản ánh những nét đặc sắc của một miền quê, hợp thành bức tranh tâm hồn phong phú của người Hải Dương.

2 Đọc hiểu văn bản



Chuẩn bị trước khi đọc

- Tìm hiểu về đặc trưng ca dao Hải Dương cần chú ý:
 - + Xác định được phương thức biểu đạt của bài ca dao.
 - + Nội dung của mỗi bài ca dao và hình thức thể hiện.
 - + Tình cảm, cảm xúc gợi ra từ các bài ca dao.
- Tìm hiểu các kiến thức lịch sử, địa lí, các di tích và danh thắng được nhắc tới trong các bài ca dao.



Đọc hiểu

1. Hỡi cô thắt cái bao xanh
Có về Vạn Tải¹ với anh thì về
 Vạn Tải có lịch, có lễ
Có giếng tắm mát, có nghề ăn chơi.

2. Đồng Lại² bánh đúc, gạo xay
Trở về Đan Giáp³ ta quây nghề đan
 Vũ Xá⁴ chẻ nửa đan sàng
Ba làng ba việc, cơ hàn chẳng lo.

3. Em đi gánh nước giếng chùa
Vi say cảnh đẹp nên chưa muốn về
 Giếng tròn tròn giữa làng quê
Tình em với giếng chẳng hề phôi pha
 Mạch từ lòng đất phun ra
N như nguồn sữa mẹ nuôi ta tháng ngày
 Truyền rằng ở mạch giếng này
Có lò khoa bảng chỉ đây không với.⁵

4. Đã là con mẹ con cha
Sinh ra từ đất Thanh Hà xứ Đông.

5. Đừng quên riêu cáy tháng ba
Nhớ bát canh cải cà ra tháng mười.

6. Đường về Kiếp Bạc bao xa
Đường về Kiếp Bạc có cây đa bồ đề
Có yêu anh cặp nón ra về
Giàu ăn khó chịu, chớ hề hở hang.

7. Chẳng thương nhau nữa thì đừng
Làm chi mà đổ nước gừng cho cay.



Hình 2 Nghề đan ở thôn Đan Giáp
(xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện)



- (1) Vạn Tải ở xã Hồng Phong, huyện Nam Sách.
- (2), (3) Đồng Lại, Đan Giáp ở xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện. (4) Vũ Xá ở xã Ngô Quyền, huyện Thanh Miện.
- (5) Bài ca dao nói về làng Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang.



Tìm hiểu sau khi đọc

1. Xét về nội dung, các bài ca dao trên có thể chia làm mấy nhóm? Đặt tên cho các nhóm.
2. Các bài ca dao gợi lên vẻ đẹp của những vùng quê nào thuộc tỉnh Hải Dương? Chỉ ra nét đẹp riêng của mỗi vùng quê.
3. Đặc sắc nghệ thuật của mỗi bài ca dao (thể thơ, nhịp điệu, cách sử dụng từ ngữ, biện pháp nghệ thuật,...).
4. Tâm trạng và tình cảm của nhân vật trữ tình gửi gắm trong mỗi bài ca dao.
5. Em thích nhất bài ca dao nào? Vì sao?

Đọc kết nối mở rộng

1. Muốn ăn cơm trắng, cá ngần
Lấy chõng làng Bói¹ cho gần chợ Hâm².
2. Muốn ăn nước cáy, mắm rươi
Thì về kết ngãi với người Hà Đông³.
3. Làng Hóp⁴ có bán lợn con
Làng Quao⁵ có đất sơn son nặn nôi.
4. Làng Vối⁶ thì bán bánh đa
Làng Tàu⁷ bán chuột, Phương Khê⁸ bán cò
An Dương⁹ bán củ thò lò
Phú Mỹ¹⁰ bán rạ mua cò về thui.
5. Làng Lý¹¹ rau muống, rau cần
Làng Rào¹² bán bún chợ gần chợ xa
Ổi ngon thì đến Bạch Đa¹³
Cốm thơm làng Thạc¹⁴, sai cà Hồng Phong¹⁵.
6. Đình Sinh, Quán Sếu, làng Tràng¹⁶
Trong ba nơi ấy không làm cũng ăn.
7. Thân em như vải chín cây
Phốt hồng ngoài vỏ ngất ngậy trong cùi.
8. Thương nhau nửa bát mắm rươi
Lưng bát mắm tép với mười quả cà.



(1) Làng Bói, (2) chợ Hôm ở xã Tân Hương, huyện Ninh Giang.

(3) Khu Hà Đông ở huyện Thanh Hà.

(4), (5) Làng Hóp ở xã Nam Hồng, huyện Nam Sách. Làng Quao ở xã Phú Điền, huyện Nam Sách.

(6), (7), (8), (9), (10) Các làng ở huyện Thanh Miện: Tàu, Phương Khê ở xã Chi Lăng Bắc; Vối, An Dương ở xã Chi Lăng Nam; Phú Mễ ở xã Tứ Cường.

(11), (12), (13) Làng Lý nay là Cẩm Lý, làng Rào nay là Lang Khê; làng Bạch Đa, ba làng ở xã An Lâm, huyện Nam Sách.

(14) Làng Thạc ở xã An Châu, thành phố Hải Dương.

(15) Xã Hồng Phong ở huyện Nam Sách.

(16) Ba làng: Đình Sinh (còn gọi là Thanh Liễu), Quán Sếu (còn gọi là Khuê Liễu), làng Tràng (còn gọi là Liễu Tràng) ở huyện Gia Lộc xưa, nay thuộc phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương, có nghề khắc in bản mộc. Nghề đó đem lại cuộc sống no đủ cho người dân ba làng.



Viết một đoạn, bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về một bài ca dao mà em yêu thích.



1. Suy tìm, giới thiệu một số bài ca dao về Hải Dương, sắp xếp các bài ca dao tìm được theo chủ đề và theo địa danh (huyện, thị xã, thành phố) được phản ánh.
2. Vẽ, sáng tác thơ, nhạc dựa vào các bài ca dao đã học; tập ngâm thơ, phổ nhạc một số bài ca dao.
3. Tập làm video giới thiệu đất và người Hải Dương trong ca dao.

Chủ đề 5

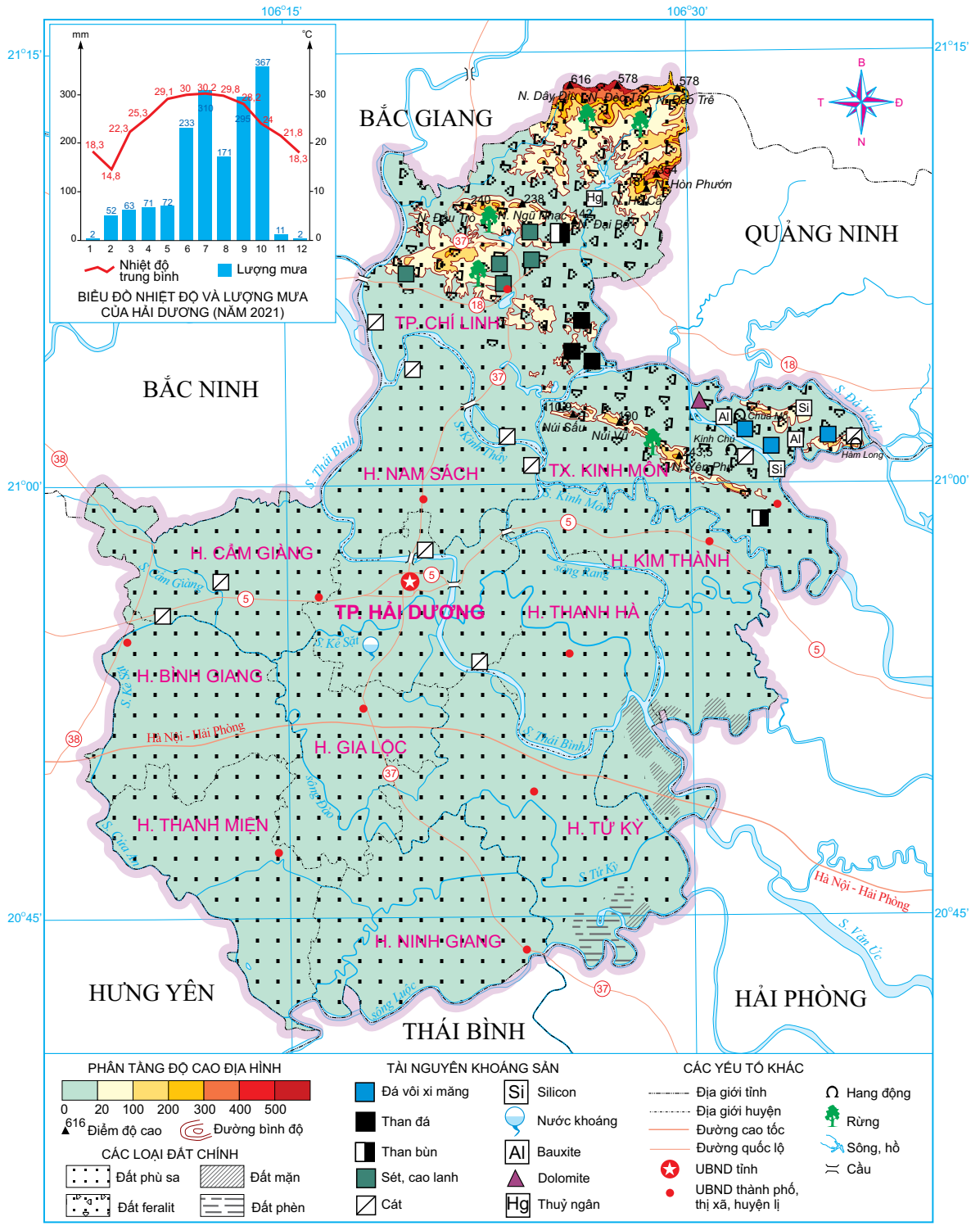
THIÊN NHIÊN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI

Mục tiêu

- Nêu được các tác động của thiên nhiên đến hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt của người dân Hải Dương.
- Kể tên và mô tả một số ngành nghề ở địa phương được thiên nhiên ưu đãi phát triển .
- Tuyên truyền mọi người trong cộng đồng giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên ở địa phương đảm bảo cho sự phát triển bền vững.



Đảo Cò (Thanh Miện)



TỈ LỆ 1 : 400 000

Hình 1. Bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương

KHOÁNG SẢN - THỂ MẠNH CỦA HẢI DƯƠNG



Tại sao nói: Khoáng sản của Hải Dương là thế mạnh nổi bật so với các địa phương khác trong khu vực đồng bằng sông Hồng?



1 Thế mạnh về khoáng sản

Quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương (trang 51), thông tin mục 1 và thực tế, hãy cho biết: Khoáng sản nào của Hải Dương có trữ lượng lớn, là thế mạnh nổi bật so với khu vực và phân bố chủ yếu ở địa phương nào.

So với các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, Hải Dương là một trong những tỉnh có thế mạnh nổi bật về tài nguyên đá vôi. Đặc biệt, ở Hải Dương còn có đất sét trắng (cao lanh) phục vụ cho sản xuất các sản phẩm sành, sứ ở trong tỉnh và các tỉnh khác.



Ở Hải Dương: Nhóm nhiên liệu chủ yếu là than đá; Nhóm khoáng sản kim loại gồm: sắt, đồng, thủy ngân, bauxite; Nhóm khoáng sản phi kim loại và khoáng chất công nghiệp gồm: đá vôi, sét chịu lửa, cao lanh, cát, thạch anh tinh thể,...

Quan sát bảng 1 (trang 53), thông tin mục 1 và thực tế, hãy cho biết: Khoáng sản ở Hải Dương có những thuận lợi gì để phát triển kinh tế.

Sự đa dạng tài nguyên khoáng sản tạo điều kiện phát triển nhiều ngành công nghiệp. Trong đó có một số khoáng sản có trữ lượng tương đối lớn, điều kiện khai thác khá thuận lợi đang được khai thác sử dụng có quy mô lớn như sét chịu lửa, đá vôi xi măng, cao lanh, sét xi măng, bauxite.

STT	Khoáng sản	Trữ lượng	Phân bố
1	Than đá	75,14 triệu tấn	Thành phố Chí Linh
2	Thuỷ ngân	1 100 tấn	Thành phố Chí Linh
3	Sét chịu lửa	8,478 triệu tấn	Thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn
4	Cao lanh	10,04 triệu tấn	Thành phố Chí Linh
5	Đá vôi xi măng	103,803 triệu tấn	Thị xã Kinh Môn
6	Đá vôi xây dựng	8,55 triệu m ³	Thị xã Kinh Môn
7	Sét xi măng	89,938 triệu tấn	Thị xã Kinh Môn
8	Sét gạch ngói	54,78 triệu m ³	Thành phố Chí Linh và dọc các sông lớn
9	Cát đen xây dựng	79,12 triệu m ³	Dọc các sông lớn
10	Cuội kết thạch anh	100 triệu m ³	Thành phố Chí Linh

Bảng 1. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn

(Nguồn: Địa chí Hải Dương – nhà xuất bản Chính trị quốc gia – 2008)

2 Khó khăn

Quan sát hình 1 (trang 53), thông tin mục 2 và thực tế, hãy cho biết: Ở Hải Dương, việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản có khó khăn như thế nào.



Hình a. Khai thác sét (Chí Linh)



Hình b. Khai thác silicon (Kinh Môn)

Hình 1. Khai thác khoáng sản ở Hải Dương

Khoáng sản ở Hải Dương phần lớn có quy mô và trữ lượng nhỏ, ở dạng tiềm năng, giá trị kinh tế thấp; phân bố phân tán, địa hình khu vực mở chia cắt phức tạp,... khó khăn cho việc điều tra, thăm dò, thu thập tư liệu để có kế hoạch khai thác quy mô lớn, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản.

Lượng mưa tập trung lớn vào mùa mưa, gây trở ngại cho việc khai thác khoáng sản hầm mỏ. Trữ lượng khoáng sản đang dần cạn kiệt gây khó khăn cho công tác quản lý, thăm dò, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản.

3 Sự cần thiết khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản



Quan sát hình 2 (trang 54), và thực tế, hãy mô tả một số ngành nghề sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở địa phương. Vì sao cần khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên tài nguyên khoáng sản?



Hình a. Khai thác đá vôi (Kinh Môn)



Hình b. Khai thác cát (Chí Linh)

Hình 2. Môi trường nơi khai thác khoáng sản

Khoáng sản là nguồn tài nguyên quan trọng, được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp, xây dựng,...

Việc khai thác, sử dụng sai quy định, gây lãng phí, cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản; tàn phá và ô nhiễm môi trường; ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt.

Khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản là góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng và phát triển bền vững.



Kể tên các loại khoáng sản có ở địa phương và cho biết việc sử dụng các loại khoáng sản đó như thế nào?



1. Suu tầm và trình bày việc khai thác, sử dụng không hợp lí tài nguyên khoáng sản làm ảnh hưởng đến môi trường ở địa phương em.
2. Nêu ý nghĩa của việc tuyên truyền trong cộng đồng giữ gìn và bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

LỢI THẾ VÀ TRỞ NGẠI VỀ TÀI NGUYÊN ĐẤT Ở HẢI DƯƠNG



Tại sao nói: Hải Dương được coi là bức tranh thu nhỏ của cả nước về tài nguyên đất? Điều đó có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh?

Do vị trí và đặc điểm địa hình, Hải Dương có sự phong phú, đa dạng các loại đất và có thể được chia thành hai vùng chính (đồng bằng, đồi núi) với năm nhóm đất, trong đó nhóm đất phù sa chiếm 78,8%, các nhóm đất khác (đất mặn, đất phèn, đất xám, bạc màu, đất đỏ vàng) chiếm dưới 21,2% tổng diện tích nông nghiệp. Đất có độ phì cao chiếm 30,9%, đất có độ phì trung bình chiếm 69,1% diện tích.



1 Lợi thế và trở ngại về đất đai vùng đồng bằng



Quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương (trang 51), hình 1 (trang 57), thông tin mục 1 và thực tế, hãy cho biết:

- Khu vực đồng bằng có các loại đất nào, phân bố ở đâu.
- Đất đồng bằng có thuận lợi và khó khăn gì trong việc khai thác, sử dụng phát triển sản xuất và đời sống sinh hoạt?

Ở Hải Dương, đất đồng bằng chiếm diện tích lớn, đặc biệt là đất phù sa tương đối màu mỡ có ở tất cả các địa phương của tỉnh, thuận lợi để phát triển nông nghiệp một cách toàn diện và vững chắc với nhiều loại sản phẩm như cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp và cây ăn quả,...



Hình a. Vùng đất trũng (Tứ Kỳ)



Hình b. Đất trồng lúa và hoa màu (Nam Sách)

Hình 1. Sử dụng tài nguyên đất vùng đồng bằng

Tuy nhiên, nhóm đất này còn có một số diện tích đất bị nhiễm mặn ở phía đông của tỉnh; đất phèn ở những vùng thấp, úng nước về mùa mưa, độ chua cao, hàm lượng dinh dưỡng thấp. Đất xám và bạc màu phân bố ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn ven các chân đồi núi, hàm lượng dinh dưỡng thấp, nghèo chất hữu cơ. Ở khu vực địa hình tương đối bằng phẳng có thể sử dụng cho hai vụ lúa và màu (rau), cây ăn quả lâu năm,... Trong quá trình sử dụng, cần có hệ thống phân bón hợp lý đảm bảo năng suất và hiệu quả kinh tế cao.



Đất nhiễm mặn do sự xâm nhập mặn của thủy triều theo các cửa sông, phân bố ở hạ lưu, ven sông Kinh Thầy, Văn Úc, Kinh Môn,... Đất cứng khi khô, chặt khi ẩm, dẻo dính khi ướt, được sử dụng để trồng lúa và hoa màu. Cần đắp đê, làm bờ vùng ngăn mặn và dùng biện pháp thủy lợi để rửa mặn.

Đất nhiễm phèn phân bố ven các sông lớn, chứa nhiều xác hữu cơ bán phân huỷ, đất chua mặn. Do địa hình thấp, trũng, thường xuyên ngập nước, có thể sử dụng để sản xuất hai vụ lúa nước và nuôi trồng thủy sản. Trong quá trình sử dụng đất tránh cày xới lật các tầng đất sâu lên, gây bốc phèn hoặc ô nhiễm các khí như CH_4 , H_2S .

2 Lợi thế và trở ngại về đất đai vùng đồi núi

Quan sát bản đồ tự nhiên tỉnh Hải Dương (trang 51), hình 2 (trang 58), thông tin mục 2 và thực tế, hãy cho biết: Ở Hải Dương, đất đai ở vùng đồi núi có thuận lợi, khó khăn gì trong việc khai thác, sử dụng để phát triển sản xuất và đời sống sinh hoạt.



Hình a. Cây ăn quả ở vùng đồi núi
(Chí Linh)



Hình b. Cây ăn quả ở vùng núi đá vôi
(Kinh Môn)

Hình 2. Sử dụng tài nguyên đất vùng đồi núi



Đất đỏ vàng phân bố ở thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn; có độ dốc trên 15° , tầng đất mỏng dưới 50 cm:

– Đất vàng nhạt trên đá cát phân bố ở các vùng gò đồi, núi thấp hoặc các đồi sót giữa đồng bằng. Ở chân đồi, tầng đất dày, có thể cải tạo trồng các loại cây ăn quả. Vùng gần đỉnh đồi núi, đất mỏng và dốc, cần khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng.

– Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước phân bố tập trung ở phía bắc thành phố Chí Linh, tầng đất dày, độ dốc thấp. Diện tích đất trồng lúa nước hiện còn rất ít, đang dần được chuyển đổi trồng các loại cây lâu năm như vải thiều, nhãn, các loại cây hoa màu, rau,...

Đất đồi núi phân bố chủ yếu ở khu vực thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn. Đất được hình thành trên sản phẩm phong hoá đá mẹ sa thạch, cuội kết, dăm kết và sản phẩm dốc tụ.

Địa hình dốc, tầng đất mỏng, thành phần cơ giới nhẹ và pha cát, khả năng giữ nước rất kém, có thể sử dụng để phát triển rừng, cây công nghiệp, trồng cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, trồng lúa và hoa màu.

Nhóm đất này ở trên địa hình phức tạp, dốc; đất nghèo dinh dưỡng, chất hữu cơ ít, thành phần cơ giới nhẹ; cây trồng sinh trưởng kém.



Sưu tầm thông tin, tư liệu về tác động của con người tới tài nguyên đất và môi trường ở địa phương (hoàn thành nội dung bảng 1, trang 59).

Đất đai chủ yếu được khai thác, sử dụng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Những năm gần đây, quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ, việc khai thác và sử dụng đất đai với cường độ lớn, nhiều mục đích khác nhau đã tác động, làm thay đổi bản chất tự nhiên, hình thái của đất theo hướng tích cực và tiêu cực. Vì vậy, cần đặt ra các yêu cầu về quy hoạch sử dụng đất để đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, đảm bảo an ninh lương thực và giảm thiểu ô nhiễm, suy thoái môi trường đất.



Ở địa phương em, nhóm đất nào là chủ yếu và được khai thác, sử dụng như thế nào?



1. Suu tầm tư liệu, thông tin và hoàn thành bảng sau:

Bảng 1. Tác động của con người tới tài nguyên đất và môi trường

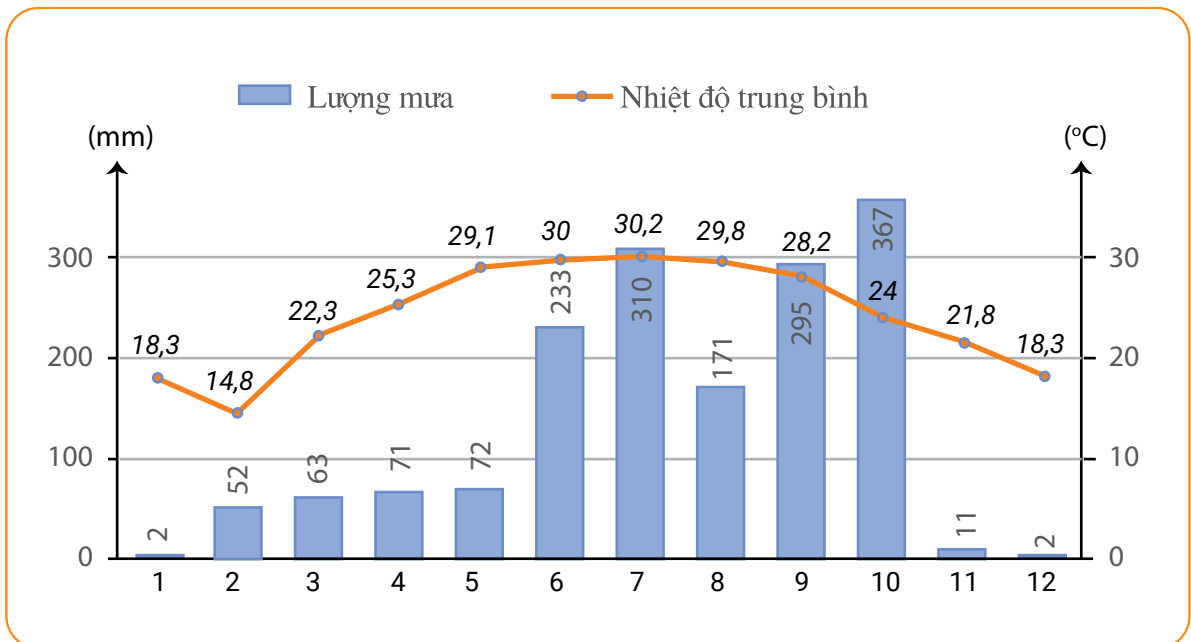
STT	Nội dung	Biểu hiện	Hậu quả	Minh chứng
1	Tác động tích cực			
2	Tác động tiêu cực			

2. Em thấy cần phải làm gì để sử dụng hợp lí, hiệu quả lâu dài nguồn tài nguyên đất?

Thực hành

TÌM HIỂU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA KHÍ HẬU ĐẾN ĐỜI SỐNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

- 1 Dựa vào biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hải Dương, năm 2021, thực hiện các yêu cầu



Hình 1. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hải Dương, năm 2021

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương, 2021)

- Tính tổng lượng mưa cả năm, lượng mưa theo mùa (mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9; mùa mưa ít (mùa khô) từ tháng 10, đến tháng 4 năm sau).
- Tính nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình theo mùa (mùa đông từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa hè từ tháng 5 đến tháng 10).
- Nhận xét khái quát đặc điểm cơ bản khí hậu tỉnh Hải Dương và nêu những thuận lợi của khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2 Dựa vào thông tin tóm tắt và thực tế ở địa phương, một số đặc trưng nhiệt độ, một số bản dự báo thời tiết khu vực đồng bằng Bắc Bộ, hình ảnh về ảnh hưởng mưa bão đến đời sống và sản xuất, em hãy:

Phân tích những khó khăn của khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương:

- Đối với sự phát triển các ngành kinh tế.
- Đối với đời sống xã hội.

Hải Dương có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. Mùa đông, lượng mưa ít, nhiệt độ giảm mạnh xuống dưới 20°C, xuất hiện những đợt rét đậm, rét hại kéo dài. Mùa hè, nền nhiệt cao, đầu mùa có gió Tây Nam khô nóng và nhiệt độ cao, xuất hiện giông, bão, lượng mưa lớn.

Xen giữa là mùa xuân và mùa thu, thời tiết thay đổi thất thường. Mùa xuân có hiện tượng gió nồm, mưa phùn ẩm ướt.

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nguồn nhiệt ẩm dồi dào thuận lợi phát triển nhiều ngành kinh tế và đời sống sinh hoạt; có thể phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất quanh năm, đa dạng sản phẩm, nhiều sản phẩm có giá trị.

Tuy nhiên, sự phân hoá theo mùa và những hiện tượng thời tiết cực đoan gây nhiều khó khăn cho đời sống và phát triển kinh tế. Đặc biệt, các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, du lịch, công nghiệp khai thác khoáng sản... phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu và thời tiết.

Đặc trưng	Nhiệt độ (°C)	Năm
Nhiệt độ trung bình năm	23,7	1960 – 2011
Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối	38,9	Tháng 7/2004
Nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối	3,2	Tháng 12/1975

Bảng 1. Một số đặc trưng nhiệt độ ở tỉnh Hải Dương

(Nguồn: Địa chí Hải Dương – Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – 2008)



Hình a. Đường phố bị ngập (TP Hải Dương)



Hình b. Đất trồng lúa và hoa màu (Nam Sách)

Hình 2. Ảnh hưởng của khí hậu đến đời sống và sản xuất

Dự báo thời tiết

12 - 1 - 2021

Do ảnh hưởng của không khí lạnh tăng cường, ở Bắc Bộ trời rét đậm, rét hại với nhiệt độ thấp nhất 7 - 10° C, vùng núi từ 4 - 7° C, vùng núi cao có nơi dưới 0° C và có khả năng xảy ra mưa tuyết, băng giá.

Khu vực đồng bằng Bắc Bộ nhiệt độ thấp nhất phổ biến 8 - 10° C, nhiệt độ cao nhất khoảng 16 - 18° C.

Tin tức thời tiết

13 - 6 - 2021



Bão số 2 ảnh hưởng đến khu vực đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, trên đất liền ven biển có gió mạnh cấp 8, giật cấp 10, có mưa to đến rất to, có nơi mưa.

Dự báo thời tiết

1 - 7 - 2021

Hà Nội có mây, ngày nắng nóng gay gắt; chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

Nhiệt độ thấp nhất từ: 28 - 30° C, cao nhất từ: 35 - 37° C, có nơi trên 37° C.

Hình 3. Một số bản dự báo thời tiết khu vực đồng bằng Bắc Bộ

3 Dựa vào kiến thức đã học, thông tin trong bài và thực tế ở địa phương, hãy:

- Kể tên những ngành sản xuất phụ thuộc nhiều vào khí hậu.
- Phân tích tác động của con người đến khí hậu theo hướng tích cực, tiêu cực.

TÀI NGUYÊN NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH



"Nhớ về Hải Dương nghe xôn xao như nhớ người thương
Nhớ con đê sông Thái Bình lượn vòng ôm ấp giữ quê mình
Tự ngàn xưa nặng phù sa sông quê ta đắp bồi đồng ta
Cho cây lúa thêm xanh cây vải thiều trĩu quả..."

(Bài "Hát về Hải Dương" của nhạc sĩ Trần Minh)

Qua lời bài hát, em cảm nhận gì về dòng sông quê em, về sự gắn bó của những con sông với đời sống, sinh hoạt và phát triển kinh tế - xã hội?

Do nằm ở đồng bằng Bắc Bộ, có dãy cánh cung Đông Triều chắn gió Đông Nam mang hơi ẩm từ biển vào nên lượng mưa trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, cung cấp nguồn nước dồi dào cho các dòng chảy, ao hồ, phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống sinh hoạt.



1 Tài nguyên nước mặt

Quan sát bản đồ tự nhiên (trang 51), hình 1 (trang 64), thông tin mục 1 và thực tế, hãy kể tên một số sông lớn ở Hải Dương và cho biết nguồn nước sông, ngòi có thuận lợi và khó khăn gì trong khai thác, sử dụng phát triển kinh tế - xã hội?

Hải Dương có nhiều sông lớn, trữ lượng nước lớn như sông Thái Bình, sông Luộc, sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Đá Bạc (Đá Bạc) và hệ thống các sông nội đồng tạo ra mạng lưới giao thông, cung cấp nước và tiêu thoát nước quan trọng phục vụ đời sống xã hội và phát triển kinh tế của tỉnh.

Diện tích hồ, ao, đầm ở Hải Dương khá lớn, nguồn nước dồi dào không chỉ cung cấp nước cho sản xuất và đời sống, nguồn thủy sản lớn mà còn tạo nên những cảnh quan đẹp, là những điểm du lịch, vui chơi giải trí nhiều triển vọng.

Tuy nhiên, mực nước trên các sông thấp, khó khăn cho việc lấy nước tưới cho đồng ruộng. Lưu lượng dòng chảy các tháng trong năm có sự dao động lớn giữa mùa lũ và mùa cạn, gây ra hiện tượng ngập úng và hạn hán.

Hiện tượng xâm nhập mặn vẫn xảy ra, nhưng mức độ ít hơn do sự điều tiết nguồn nước của các công trình thủy điện thượng nguồn và các công trình thủy lợi.



Hải Dương có tổng lượng mưa hàng năm 1 700 mm, với khoảng 3,2 tỉ m³ nước mưa và tổng lượng dòng chảy mặt từ mưa là 1,1 tỉ m³.

Sông Thái Bình (trữ lượng nước khoảng 35,95 tỉ m³/năm), sông Luộc (27,75 tỉ m³/năm), sông Kinh Thầy, sông Kinh Môn, sông Đá Bạch. Các sông tự nhiên và nhân tạo nội đồng như hệ thống Bắc Hưng Hải (1,1 tỉ m³/năm), sông Hương, hệ thống An Kim Hải, sông Thiên,...

Ở Hải Dương, chất lượng nước mặt khá tốt, tuy nhiên vẫn còn một số điểm có ô nhiễm cục bộ. Khu vực thành phố Hải Dương chất lượng nước mặt có xu hướng xấu đi do hoạt động xả nước thải không qua xử lý ở các khu dân cư và các nhà máy xí nghiệp.



Hình a. Sông Kinh Thầy (Kinh Môn)



Hình b. Hồ An Dương (Thanh Miện)

Hình 1. Sông, hồ ở Hải Dương

2 Tài nguyên nước ngầm

Tiềm năng nước ngầm trên địa bàn tỉnh Hải Dương khá lớn, hiện đang được thăm dò, khai thác phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Nhìn chung, nước có chất lượng tốt nhưng cũng cần phải xử lý hàm lượng sắt trước khi đưa vào sử dụng cho sinh hoạt.

Nguồn nước ngầm ở Hải Dương được sử dụng vào mục đích gì và việc khai thác, sử dụng nguồn nước ngầm có thuận lợi, khó khăn như thế nào?

Do cấu tạo địa tầng, địa chất và tác động bởi chất thải từ bề mặt, chất lượng nước ngầm một số nơi bị nhiễm bẩn, độc hại gây khó khăn cho quá trình xử lý và sử dụng trong sinh hoạt.

Nước khoáng – nóng đã phát hiện được 05 điểm trong tỉnh Hải Dương, có thể khai thác sử dụng nguồn nước quý hiếm này trong chữa bệnh và làm nước uống.



Nước khoáng – nóng đã phát hiện được 05 điểm trong tỉnh Hải Dương, cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu thêm để sử dụng nguồn nước quý hiếm này trong chữa bệnh và làm nước uống.

– Nước nóng – khoáng Thạch Khôi:

Nước nóng – khoáng Thạch Khôi được phát hiện từ năm 1966, tại phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, nước phun tự nhiên một thời gian dài nhưng đến nay đã ngừng. Đây là nguồn nước nóng – khoáng rất có giá trị trong đóng chai, ngâm tắm, cần có biện pháp bảo vệ sử dụng lâu dài.

– Nước nóng – khoáng Tứ Minh; Nước nóng – khoáng bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương không được bảo vệ đã bị lấp và phá hỏng.

Nước nóng – khoáng Đức Chính:

Nước nóng – khoáng khoan năm 1998 ở xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng. Nước có giá trị đóng chai làm nước uống, ngâm tắm trong mùa đông, hiện vẫn còn được bảo tồn, cần có biện pháp bảo vệ để sử dụng lâu dài.

– Nước nóng – khoáng Ái Quốc:

Nước nóng – khoáng này được phát hiện năm 1999 trên đất phường Ái Quốc thành phố Hải Dương, chiều sâu 250 m, nước có nhiệt độ 33° C. Lưu lượng khá lớn, mực nước cách mặt đất 1,2 m. Nước có giá trị khai thác ăn uống, sinh hoạt, chế biến thực phẩm, đóng chai làm nước uống, ngâm tắm trong mùa đông.



1. Kể tên các sông có ở địa phương em và cho biết thuộc hệ thống sông nào?
2. Sưu tầm và giới thiệu về hồ nước có cảnh quan đẹp, là những điểm du lịch hấp dẫn ở tỉnh Hải Dương mà em biết.



1. Từ thực tế và kiến thức đã học, em hãy cho biết vào mùa lũ, mùa cạn có những khó khăn gì đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp ở địa phương?
2. Nguồn tài nguyên nước bị suy thoái sẽ gây hậu quả gì? Ở quê hương em đã có biện pháp gì để giảm thiểu ô nhiễm nguồn tài nguyên nước?

TÀI NGUYÊN SINH VẬT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG



Hãy kể tên các sinh vật tự nhiên, vật nuôi và cây trồng ở địa phương mà em biết. Con người và các loài sinh vật có mối quan hệ như thế nào trong quá trình tồn tại và phát triển?



I. TÀI NGUYÊN SINH VẬT ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở HẢI DƯƠNG

1 Thuận lợi

Quan sát hình 1 (trang 67), thông tin mục 1 và thực tế, hãy cho biết: Ở Hải Dương, tài nguyên sinh vật có thuận lợi gì trong việc khai thác và sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội.



Hải Dương hiện có hơn 11 000 ha rừng, rừng có nhiều loại cây lấy gỗ, làm thuốc, cây ăn quả... Theo kết quả điều tra, nghiên cứu của Viện dược liệu (Bộ Y tế) và Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường năm 1999 đã phát hiện được 431 loài, thuộc 343 chi, 144 họ thực vật có giá trị sử dụng làm thuốc. Trong 431 loài cây làm thuốc có 72 loài cây trồng, chiếm 16,7%. Trong đó có 16 loài là hoa cây cảnh, 20 loài là rau gia vị, 16 loài cây ăn quả, 01 loài cây lương thực, 10 loài cây công nghiệp, cây tạo bóng mát, 19 loài cây trồng đơn thuần lấy nguyên liệu làm thuốc.

Trong rừng còn có các loài chim (một số loài quý hiếm cần được bảo tồn như họ cú mèo, quạ, trĩ, chèo bẻo, cu cu, sáo); có loài bò sát quý hiếm (tắc kè, kì đà, trăn, rắn hổ... Vùng đồi núi Chí Linh, Kinh Môn có hệ động vật hoang dã, các loài thú hiện còn gặp nhưng số lượng rất ít, trong đó có loài có tên trong *Sách đỏ Việt Nam* (rái cá và sóc bay lớn).



Hình a. Sinh vật vùng đồi núi Kinh Môn



Hình b. Sinh vật vùng đồi núi Chí Linh



Hình c. Đảo cò (Thanh Miện)

Hình 1. Tài nguyên sinh vật ở Hải Dương

Sự đa dạng về địa hình, khí hậu, đất đai đã tạo cho tỉnh Hải Dương có tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng, có cả loài nhiệt đới và cận nhiệt; có cả ở vùng đồng bằng và đồi núi (đồi, núi đất và núi đá vôi); sinh vật nước ngọt, nước lợ,... Nguồn tài nguyên sinh vật phong phú và đa dạng có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế – xã hội và môi trường.

Ở Hải Dương, rừng tập trung chủ yếu ở Chí Linh và Kinh Môn. Rừng có nhiều loại cây lấy gỗ, cây làm thuốc, cây ăn quả, phong phú các loài chim và động vật hoang dã. Ở đồng bằng có một số loài thực vật có giá trị kinh tế, dùng làm lương thực, thực phẩm, làm thuốc, ăn quả và uống,...

Rừng có vai trò điều tiết nguồn nước, chống xói mòn, bảo vệ nguồn gen, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh phục vụ nghỉ ngơi, du lịch kết hợp với phòng hộ bảo vệ môi trường sinh thái. Rừng là nguồn tài nguyên quan trọng cho sự phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ môi trường.

2 Khó khăn

Từ thực tế và thông tin mục 2, hãy cho biết: Ở Hải Dương, tài nguyên sinh vật có khó khăn gì trong việc khai thác và sử dụng để phát triển kinh tế.



Tài nguyên rừng ở Hải Dương đang bị suy giảm cả về diện tích và chất lượng mà nguyên nhân chủ yếu là do con người. Trong vòng 50 năm, diện tích rừng bị chặt phá và cháy ở khu vực Chí Linh, Kinh Môn ngày càng tăng (năm 2005 là 4 ha, đến năm 2011 tăng lên 7,5 ha) làm diện tích rừng bị thu hẹp, mất dần đa dạng sinh học, đặc biệt là các loài quý hiếm.

Các loài cây gỗ thuộc chủng loại nhóm gỗ I, II còn rất ít, mà chủ yếu thuộc nhóm gỗ V đến VIII. Nhiều loài cây bị khai thác đến mức cạn kiệt, đang đứng trước nguy cơ bị biến mất trong khu vực.

Một số cây thuốc quý hiếm do khai thác quá mức đã dẫn đến sự nghèo nàn về số lượng cá thể và dẫn đến cạn kiệt về trữ lượng.

Hệ động vật hoang dã đến nay chỉ còn xác định được 8 bộ, 19 họ và 25 loài (giảm 14% số họ và giảm 41% số loài so với trước năm 1990). Các loài thú không còn trông thấy như khỉ mặt đỏ, vượn, hổ, báo, báo hoa mai, sói đỏ, nai, cu li lớn, cây giông, mèo rừng, sóc đen, cây vòi mốc, cây vòi đốm, cây gấm, gấu ngựa, tê tê vàng, nhím. Trong số các loài thú bị mất có 9 loài đã có tên trong sách đỏ Việt Nam năm 2005 là các loài họ chó, mèo, gấu, khỉ, vượn, cu li, tê tê... Có một số loài chim quý hiếm cần được ưu tiên bảo tồn ở vùng Chí Linh, Kinh Môn.

Hiện nay, tài nguyên rừng ở Hải Dương đang bị suy giảm cả về diện tích và chất lượng, các loại nhóm gỗ quý còn rất ít, nhiều loài đang đứng trước nguy cơ bị biến mất. Hệ động vật hoang dã giảm số loài, có loài thú không còn. Hệ sinh thái đồng bằng đa dạng nhưng có một số loài sinh vật bản địa lại có xu hướng giảm đi, đây là điều cần quan tâm trong thời gian tới.

Nguyên nhân chủ yếu là do con người trong quá trình khai thác, phát triển kinh tế – xã hội. Do khai thác quá mức đã dẫn đến sự nghèo nàn về số lượng cá thể và dẫn đến cạn kiệt về trữ lượng, nhiều loài bị khai thác cạn kiệt, đang đứng trước nguy cơ bị biến mất.

Sự suy giảm nguồn tài nguyên sinh vật làm giảm nguồn gen và mất dần đa dạng sinh học, mất cân bằng sinh thái, biến đổi khí hậu, gia tăng thảm họa thiên nhiên, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người; ảnh hưởng đến an ninh lương thực làm cho con người phải đối mặt với nguy cơ đói nghèo, đe dọa sự phát triển bền vững.

Việc khôi phục bảo vệ các hệ sinh thái, nguồn tài nguyên rừng, sự đa dạng loài và đa dạng di truyền để bảo tồn đa dạng sinh học, ngăn chặn sự diệt vong của các loài quý hiếm là một việc làm cấp bách.

II. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM Ở ĐỊA PHƯƠNG

"

Tìm hiểu thuận lợi, khó khăn về tài nguyên sinh vật đối với phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương

– Lựa chọn một vấn đề thuận lợi hoặc khó khăn về tài nguyên sinh vật cần quan tâm ở địa phương.

– Vấn đề lựa chọn có đủ nguồn thông tin từ thực tế, người dân, cơ quan ban ngành...

– Phù hợp với điều kiện học tập của nhà trường và học sinh.

"

1 Tìm hiểu khái quát nguồn tài nguyên sinh vật tại địa phương

– Thực vật (tự nhiên và cây trồng).

– Động vật (tự nhiên và vật nuôi).

2 Đánh giá những thuận lợi (hoặc khó khăn) về nguồn tài nguyên sinh vật đối với phát triển kinh tế – xã hội và môi trường ở địa phương

Thuận lợi đối với phát triển kinh tế, đời sống xã hội và môi trường (Khó khăn: sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên sinh vật; sâu bệnh, cỏ dại ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội và môi trường).

3 Tìm hiểu về sự tác động của con người đến tài nguyên sinh vật ở địa phương

– Chỉ ra tác động tích cực đến tài nguyên sinh vật (hình ảnh, tư liệu...).

– Chỉ ra tác động tiêu cực đến tài nguyên sinh vật (hình ảnh, tư liệu...).

– Xác định trách nhiệm của bản thân đối với việc bảo vệ tài nguyên sinh vật.

4 Viết báo cáo

– Khái quát về sự phong phú, đa dạng tài nguyên sinh vật ở địa phương (hình ảnh, tư liệu...).

– Đánh giá những thuận lợi về nguồn tài nguyên sinh vật đối với phát triển kinh tế – xã hội và môi trường ở địa phương (khó khăn về nguồn tài nguyên sinh vật: suy giảm, cạn kiệt nguồn tài nguyên sinh vật; sâu bệnh, cỏ dại... ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội và môi trường ở địa phương).

– Tìm hiểu về tác động của con người đến tài nguyên sinh vật ở địa phương: tác động tích cực, tiêu cực đến tài nguyên sinh vật, môi trường.

– Trách nhiệm của bản thân, người chủ tương lai đối với sự phát triển quê hương, đất nước.

Chủ đề 6

THIÊN TAI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Mục tiêu

- Thống kê và mô tả được một số thiên tai ở địa phương.
- Trình bày được một số tác động của thiên tai đến hoạt động sản xuất và đời sống người dân ở địa phương.
- Nêu được một số biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương.



Cống Cầu Cát (thành phố Hải Dương)

THIÊN TAI Ở HẢI DƯƠNG



Nhà trường cho phép các em được nghỉ học trong điều kiện thời tiết, khí hậu như thế nào? Vì sao?



1 Một số thiên tai ở Hải Dương

Sưu tầm và kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở địa phương em.

Do đặc điểm địa hình có cả đồi núi, đồng bằng và một số vùng thấp trũng; vị trí nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa nên trên địa bàn tỉnh Hải Dương thường xảy ra một số loại hình thiên tai như: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt; sạt lở đất, hạn hán; nước dâng, nắng nóng, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối và các loại thiên tai khác.



Trong vòng hơn 50 năm gần đây đã có hơn 450 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến Việt Nam, trong đó 31% đổ bộ vào Bắc Bộ, 36% đổ bộ vào Bắc, Trung Bộ và ảnh hưởng đến Hải Dương. Bão xuất hiện hằng năm không đều, tỉnh Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp từ 2 đến 3 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, có năm nhiều lên tới 5 cơn bão. Một số năm gần đây xuất hiện bão muộn với cường độ khá mạnh vào tháng 11.

Bão và áp thấp nhiệt đới là những hiện tượng thời tiết nguy hiểm, diễn biến phức tạp thường có gió mạnh, kèm theo mưa lớn có thể gây lũ lụt, sạt lở đất vùng đồi núi nên sức tàn phá rất lớn làm thiệt hại nặng nề đến đời sống và sản xuất. Mùa bão ảnh

hưởng tới Hải Dương cũng chính là mùa bão ảnh hưởng tới khu vực phía Bắc, thường bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 10, tập trung vào 3 tháng 7, 8 và 9. Trung bình mỗi năm Hải Dương chịu ảnh hưởng trực tiếp từ 2 – 3 cơn bão và áp thấp nhiệt đới.

– Sạt lở đất là hiện tượng đất bị sạt, trượt, lở đất do tác động của mưa, lũ hoặc dòng chảy, có thể xảy ra ở khu vực đồi núi thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn và dọc ven bờ các sông lớn.

– Rét hại là dạng thời tiết đặc biệt xảy ra trong mùa đông ở miền Bắc nói chung, Hải Dương nói riêng khi nhiệt độ không khí trung bình ngày xuống dưới 13^o C.



Hạn hán là hậu quả trực tiếp của biến đổi khí hậu nhưng cũng còn một nguyên nhân quan trọng khác là hoạt động của con người tác động đến thiên nhiên, tàn phá rừng, mở rộng canh tác tràn lan, xây dựng hồ đập không có quy hoạch hợp lý đã dẫn đến suy giảm nguồn nước trong khi nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt, phát triển kinh tế không ngừng tăng lên.

Ngoài ra, ở Hải Dương còn có những thiên tai khác như động đất (ít xảy ra nhưng vẫn có thể xảy ra ở khu vực và là thảm họa nghiêm trọng trên diện rộng); mưa đá thường xảy ra vào mùa hè và thời kì đầu hoặc cuối mùa đông, thời gian mưa ngắn và diện hẹp; sương mù xuất hiện chủ yếu trong mùa đông và các tháng chuyển tiếp; sương muối đã quan sát được ở những thung lũng khuất gió, vùng Chí Linh, Kinh Môn; giông, sét, lốc, tố, vòi rồng thường xảy ra trong mùa hè, là những hiện tượng thời tiết nguy hiểm hiện chưa được dự báo.

2 Hậu quả của thiên tai

Tại sao thiên tai thường gây ra hậu quả rất nghiêm trọng đối với phát triển kinh tế, đời sống xã hội và tài nguyên môi trường?



Hình 1. Ảnh hưởng của thiên tai đến kinh tế, xã hội và môi trường

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường, khó dự đoán, có thể gây thiệt hại lớn về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội.

Gió bão, mưa lớn, ngập lụt, giá rét, hạn hán,... có thể làm cho cơ sở hạ tầng như trường học, bệnh viện, trạm y tế, giao thông, thủy lợi bị hư hỏng; hoa màu, cây trồng và vật nuôi bị hư hại; đổ, gãy cây xanh, ô nhiễm môi trường và nguồn nước làm phát sinh và tăng mức độ lây nhiễm dịch bệnh (truyền nhiễm, tiêu chảy, sốt xuất huyết,...); thiếu lương thực, thực phẩm, giao thông tê liệt,... ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, điều kiện sống, sức khỏe và tính mạng của người dân.

Trong giai đoạn 2010 – 2020, thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh không quá lớn. Tuy nhiên, thiên tai đã gây ra thiệt hại lớn về người (6 người chết, 11 người bị thương), cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi (thiệt hại khoảng 1 612 tỉ đồng).

Thiên tai ảnh hưởng lớn đến đời sống, hoạt động sản xuất các ngành công nghiệp (khai khoáng), nông nghiệp, dịch vụ, làm mất đất,... Cần có sự đầu tư lớn cho công tác dự báo, phòng, chống và khắc phục hậu quả, ổn định và phát triển sản xuất, đời sống kinh tế – xã hội.



Mưa lớn, gió mạnh có thể gây lũ lụt, sạt lở đất, tàn phá và ô nhiễm môi trường do cuốn theo vật nuôi, cây trồng, chất thải, đất cát, các bãi chôn lấp rác,... thiệt hại nặng nề đến đời sống và sản xuất.

Sạt lở đất thường gây ra tổn thất lớn đến tính mạng, tài sản của nhà nước và nhân dân.

Hạn hán dẫn đến tình trạng thiếu nước nghiêm trọng trên diện rộng trong thời gian dài làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và các hoạt động sản xuất của người dân, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp và chăn nuôi.

Rét hại ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người, cây trồng, vật nuôi.



Hình a. Mưa bão ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp (Tứ Kỳ)



Hình b. Mưa lớn làm ngập đường phố (thành phố Hải Dương)



Hình c. Mưa lớn làm ngập mỏ khoáng sản (Kinh Môn)

Hình 2. Ảnh hưởng của thiên tai ở Hải Dương

Quan sát hình 2 (trang 75), thông tin mục 2 và thực tế, hãy cho biết: Thiên tai gây ra hậu quả như thế nào đối với các hoạt động sản xuất, đời sống xã hội và tài nguyên môi trường.



Từ thực tế và thông tin trong bài, hãy cho biết ở địa phương em có những thiên tai nào?



1. Lựa chọn, mô tả về hiện tượng và hậu quả của một thiên tai xảy ra ở địa phương mà em được biết.
2. Tại sao ở Hải Dương, bão là thiên tai gây nhiều thiệt hại đối với sản xuất và đời sống sinh hoạt của con người?

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI



Thông báo: “Ngày mai có bão cấp 10, gió giật mạnh (hoặc giá rét, nhiệt độ dưới 7°C), học sinh được nghỉ học, người dân cần có biện pháp bảo vệ tài sản, vật nuôi cây trồng...”.

Em có biết: Làm thế nào để có nội dung bản tin thông báo chính xác, kịp thời và mục đích của thông báo này là gì?



Em có biết vì sao những năm gần đây thiên tai ngày càng gia tăng và khốc liệt?

Những năm gần đây, do biến đổi khí hậu, Trái Đất nóng dần lên làm cho thiên tai trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Hải Dương nói riêng ngày càng gia tăng, diễn biến bất thường, phức tạp và có xu hướng cực đoan hơn; ảnh hưởng của thiên tai đang có chiều hướng tăng lên cả về cường độ, số lượng, mức độ nguy hiểm và khốc liệt. Ở Hải Dương các loại hình thiên tai xảy ra quanh năm, có các thiên tai điển hình theo mùa với những đặc điểm riêng của từng vùng trên địa bàn tỉnh đã gây ảnh hưởng lớn đến đời sống, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đe dọa đến tính mạng và nguy cơ mất an toàn cho các công trình cơ sở hạ tầng.

Loại hình thiên tai điển hình	Cấp độ rủi ro thiên tai				
	1	2	3	4	5
Bão, áp thấp nhiệt đới			x	x	x
Lũ, ngập lụt	x	x	x	x	x
Hạn hán	x	x	x	x	
Xâm nhập mặn	x	x	x	x	
Rét hại, sương muối	x	x	x		
Mưa lớn	x	x	x	x	
Nắng nóng	x	x	x	x	
Sương mù	x	x			
Lốc, sét, mưa đá	x	x			
Động đất	x	x	x	x	x

Bảng 1. Các loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nguồn: Kế hoạch phòng chống thiên tai của tỉnh Hải Dương đến năm 2025)

1 Sự cần thiết của công tác phòng, chống thiên tai

Liên hệ ở địa phương và từ thực tế hiểu biết, hãy cho biết: Tại sao cần phải tổ chức tốt công tác phòng, chống thiên tai.

Việt Nam là quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, thiên tai, gây thiệt hại lớn về người và tài sản, tác động xấu đến mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội. Vì thế, nâng cao hiệu quả phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, ngành, lực lượng và toàn dân, được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, góp phần ổn định sản xuất, đời sống nhân dân,... sự phát triển đất nước.

Công tác phòng, chống, ứng phó có hiệu quả với các diễn biến bất thường của thiên tai, giảm thiểu thiệt hại từ thiên tai là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm hạn chế và dần thích ứng thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại; lợi dụng, né tránh, khắc phục và từng bước chinh phục, thích ứng với thiên tai nhằm bảo vệ và phát triển sản xuất, đời sống xã hội.



Những năm qua, thiên tai diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, khó dự báo, xuất hiện những loại hình thiên tai bất thường như: bão mạnh, siêu bão, lũ chồng lũ, hạn hán kéo dài, sạt lở nghiêm trọng, rét đậm, rét hại,... Thiên tai gây thiệt hại lớn, tác động xấu đến phát triển kinh tế – xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Ở Hải Dương, mỗi năm thiên tai gây thiệt hại khoảng 160 tỉ. Trong giai đoạn 2010 – 2020, thiên tai đã gây ra các thiệt hại lớn về người, cơ sở hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi,... ước khoảng 1 612 tỉ đồng và 6 người chết, 11 người bị thương.

2 Các biện pháp phòng, chống thiên tai

Quan sát hình 1 (trang 78), thông tin mục 2 và thực tế, hãy cho biết chúng ta cần phải làm gì để phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại từ thiên tai.



Hình a. Cổng Cầu Xe (huyện Tứ Kỳ)



Hình b. Trạm bơm Bình Lâu
(thành phố Hải Dương)

Hình 1. Các công trình phòng chống thiên tai

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người và tài sản, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững là vấn đề được đặt ra trong Kế hoạch phòng, chống thiên tai của tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vấn đề thiên tai, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu đặc biệt là sự tác động lớn của bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập lụt.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác dự báo thiên tai, xây dựng các phương án ứng phó nhằm nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn.

- Nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với thiên tai: nâng cấp hệ thống đê điều, thủy lợi, các hồ đập, công trình tiêu thoát nước đảm bảo chống ngập lụt, chống hạn và phục vụ cấp nước; Bảo vệ và phát triển vốn rừng ở vùng đồi núi Chí Linh và Kinh Môn. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên và đặc điểm thiên tai từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Huy động các nguồn lực để triển khai hiệu quả các hoạt động phòng, chống thiên tai.

Ở Hải Dương, năng lực của Ban Chỉ huy các cấp, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất kĩ thuật, công tác dự báo, cảnh báo sớm, nhận thức của cộng đồng về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn ngày càng được nâng cao và hiệu quả. Đặc biệt quan tâm và tăng cường thực hiện nhiều giải pháp trong công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Các địa phương đã chủ động hơn trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế – xã hội.



Để giảm thiểu thiệt hại từ thiên tai, Hải Dương chú ý đến những vấn đề:

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai. Nâng cao nhận thức về thiên tai, rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; hướng dẫn, phổ biến kỹ năng phòng, chống thiên tai.

Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, phòng, chống thiên tai và cứu hộ cứu nạn. Phối hợp các lực lượng đảm bảo công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai hiệu quả.

Xây dựng, kế hoạch phòng và phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai, thực hiện phòng chống thiên tai vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế – xã hội.

Huy động các nguồn lực để triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai. Chủ động phương án, phối hợp các lực lượng trong phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Đầu tư củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống công trình phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao khả năng chống chịu, ứng phó tại chỗ, thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh trồng cây chắn sóng bảo vệ đê, trồng rừng và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn.

Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào tự nhiên.

Khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội cần có kế hoạch phòng, chống thiên tai phù hợp. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.



Từ thực tế và kiến thức đã học, hãy cho biết ở địa phương em mưa bão, giá rét thường xảy ra vào thời gian nào trong năm và hậu quả của nó?



1. Tại sao cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vấn đề thiên tai, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu?
2. Đưa ra thông điệp tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các việc làm để hạn chế và phòng chống thiên tai.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
Phó Tổng biên tập PHẠM QUỲNH
Giám đốc Công ty Đầu tư và phát triển Trường Phổ thông CNGD
PHẠM MẠNH THẮNG

Biên tập nội dung:
Nguyễn Thị Dạ Hương – Nguyễn Thị Thanh Loan

Trình bày bìa:
Hoàng Hải Yến

Chế bản và sửa bản in:
Hoàng Hải Yến

Bản quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông
CNGD giữ quyền công bố tác phẩm.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH **HẢI DƯƠNG** Lớp 7

Mã số: GOPH7Q001K2

In bản khổ 19 x 26,5cm

In tại:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:

In xong và nộp lưu chiểu quý năm 2022

Mã số ISBN: